



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

3

Tháng 02 - 2015

HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC NĂM 2015 TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng trao Cờ thi đua của Bộ Xây dựng cho Tổng công ty HUD

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI SÁU**

3

SỐ 3 - 02/2015



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 142/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 5
phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định
hướng đến năm 2030

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh 8
Bến Tre ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái
định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến
Tre

- Quyết định số 102/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh 10
Nghệ An ban hành giá xây dựng mới của nhà, công
trình làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái
định cư khi Nhà nước thu hồi đất năm 2015 trên địa bàn
tỉnh Nghệ An

- Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND của UBND thành 11
phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về giá các loại đất
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày
01/01/2015 đến ngày 31/12/2019

- Quyết định số 70/QĐ-UBND của UBND thành phố Hồ 13
Chí Minh ban hành Quy định về hạn mức đất ở trên địa
bàn thành phố Hồ Chí Minh

- Quyết định số 65/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau 14
về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng phát triển Khu
kinh tế Năm Căn, giai đoạn 2015 - 2020 và những năm
tiếp theo

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN
CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN
CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
ThS. PHẠM KHÁNH LY
ThS. HOÀNG ĐẠI HẢI

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Đề tài: Nghiên cứu chế tạo bê tông chịu lửa chứa cacbon cho công nghiệp luyện kim 16
- Nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học của Viện Sinh thái và bảo vệ công trình 17
- Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn lĩnh vực khảo sát, đo đạc ngành xây dựng đến năm 2030” 18
- Nghiệm thu đề tài biên soạn tiêu chuẩn “Soát xét, bổ sung TCVN 7958:2008 và xây dựng Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống mối cho công trình xây dựng mới” 20
- Nghiệm thu đề tài “Thiết kế, thi công và nghiệm thu kết cấu khối xây bằng gạch bê tông tổ ong” 21
- Nghiệm thu đề tài “Soát xét các tiêu chuẩn thí nghiệm đất trong phòng thí nghiệm” 23
- Nghiệm thu Đề tài biên soạn Tiêu chuẩn “Giàn giáo thép ống - yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm” 23
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Ninh Thuận 26
- Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị xã Gia Nghĩa là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Đắk Nông 26

Thông tin

- Hội thảo chuyên đề “Luật Thoát nước của Nhật Bản - kinh nghiệm xây dựng và triển khai” 29
- Hội nghị tổng kết công tác năm 2014 và kế hoạch hoạt động năm 2015 của kiểm soát viên Bộ Xây dựng 31
- Hội nghị bàn tròn với các nhà tài trợ về tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu lĩnh vực xây dựng 33
- Hội nghị triển khai công tác năm 2015 của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị 35
- Hội nghị thẩm định Đề án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 37
- Viện Kiến trúc quốc gia kỷ niệm 35 năm hình thành và phát triển 39
- Hội nghị tổng kết công tác năm 2014 và phương hướng hoạt động năm 2015 Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025 41
- Kinh nghiệm của Thụy Sĩ về phát triển nhà ở 43



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 142/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Ngày 28/01/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 142/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với quan điểm: Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang phải đặt trong mối quan hệ hữu cơ với định hướng phát triển chung cả nước, Vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), Vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) phía Nam, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các vùng, quy hoạch ngành, lĩnh vực trong mối quan hệ tổng thể, kết nối với các tỉnh trong không gian kinh tế mở với bên ngoài; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng tiến tới đồng bộ và từng bước hiện đại, nhất là hạ tầng đô thị thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy, các vùng trọng điểm, các trung tâm huyện lỵ, nhằm tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa (CNH-HĐH), tạo cơ hội để phát triển mạnh kinh tế đối ngoại, thu hút nguồn lực từ bên ngoài đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát triển nhanh các ngành kinh tế, tạo ra bước đột phá về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất trong từng ngành, từng lĩnh vực, tạo điều kiện sớm hình thành các lãnh thổ trọng điểm, phát triển nhanh công nghiệp, du lịch và dịch vụ, đưa du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, là một khâu đột phá trong phát triển kinh tế của tỉnh, coi trọng phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ

cao, quy mô hàng hóa lớn, phát triển mạnh và toàn diện kinh tế biển, ven biển; xây dựng thành phố Mỹ Tho với chức năng là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh giai đoạn đến năm 2020, xây dựng thị xã Gò Công và thị xã Cai Lậy thành đô thị loại III, đồng thời cải tạo, nâng cấp và phát triển hệ thống đô thị, các thị tứ trở thành các trung tâm kinh tế phát triển với chức năng là hạt nhân thúc đẩy và lan tỏa tới các vùng nông thôn trong tỉnh phát triển; gắn chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế với chỉ tiêu công bằng xã hội nhằm tạo việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân, chủ động, tích cực đẩy mạnh hội nhập kinh tế trong cả nước, khu vực và quốc tế, tận dụng tối đa các cơ hội để phát triển, phát triển kinh tế - xã hội phải đi đôi với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ vững ổn định chính trị và an toàn, trật tự xã hội; chủ động phòng ngừa những ảnh hưởng, tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu với nước biển dâng.

Mục tiêu đề ra là phát triển kinh tế Tiền Giang với tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững, tạo chuyển dịch mạnh mẽ trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động. Đến năm 2020, phần đầu xây dựng Tiền Giang trở thành một trong những tỉnh phát triển kinh tế - xã hội mạnh trong vùng ĐBSCL, là một cực phát triển của Vùng KTTĐ phía Nam, là một đầu mối phát triển dịch vụ vận tải, du lịch của Vùng ĐBSCL, có hệ thống kết cấu hạ tầng tiến tới đồng bộ và

từng bước hiện đại; đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, có nền văn hóa lành mạnh, đậm đà bản sắc dân tộc, có nền quốc phòng - an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Cụ thể, về kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 9 - 10%/năm (giá so sánh 2010); cơ cấu kinh tế năm 2020 như sau: Công nghiệp - xây dựng chiếm 35 - 35,5%, dịch vụ chiếm 36,1 - 37% và nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 27,5 - 28,9%; thu nhập bình quân đầu người (giá thực tế) năm 2020 đạt khoảng 74 - 78 triệu đồng, rút ngắn khoảng cách so với cả nước về GDP/người; kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt khoảng 3.400 triệu USD; phần đầu thu ngân sách năm 2020 đạt trên 9.000 tỉ đồng. Về văn hóa xã hội, tốc độ phát triển dân số trung bình khoảng 0,8%/năm, dân số trung bình đến năm 2020 là 1.800 ngàn người; tỉ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 30 - 35%; giải quyết việc làm cho 18.000 - 19.000 lao động/năm giai đoạn 2016 - 2020; giảm tỉ lệ hộ nghèo xuống dưới 3% vào năm 2020, bình quân mỗi năm giảm khoảng 0,5% trong giai đoạn 2016 - 2020 (chuẩn nghèo áp dụng theo quy định hiện hành); phần đầu tỉ lệ xã cơ bản đạt chuẩn quốc gia về xây dựng nông thôn mới là 50% vào năm 2020. Về bảo vệ môi trường, đến năm 2020, trên 90% dân số nông thôn sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung, 95% chất thải rắn (CTR) được thu gom, xử lý, 90% cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; phòng chống, hạn chế tối đa sự suy kiệt và ô nhiễm các nguồn tài nguyên, có các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Theo Quy hoạch này, Tiền Giang phải tiếp tục hình thành 5 đột phá chiến lược. Cụ thể: Hình thành các cực tăng trưởng, vùng trọng điểm, xây dựng các khu công nghiệp (KCN) tập trung ở các khu vực Đông Nam Tân Phước, Gò Công, khu vực phát triển công nghiệp xay xát

lúa gạo, chế biến hàng nông sản ở khu vực Cái Bè - Cai Lậy... gắn với hệ thống các KCN tập trung của Vùng KTTĐ phía Nam và đầu tư cho phát triển có hiệu quả các cụm công nghiệp, góp phần tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và từng bước hiện đại ở cả đô thị và nông thôn: Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thu hút các dự án đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông bao gồm cả đường bộ, đường thủy và mạng lưới giao thông nông thôn, hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc, hoàn chỉnh mạng cấp điện và cấp thoát nước, xử lý ô nhiễm môi trường, đáp ứng nhu cầu của một trung tâm kinh tế cấp vùng; tập trung đầu tư để hình thành hệ thống các sản phẩm chủ lực trong những ngành, lĩnh vực có lợi thế so sánh (nhất là sản phẩm nông nghiệp, du lịch) nhằm tạo ra thế và lực cho sự phát triển lâu dài của tỉnh, hình thành các vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu nông sản hàng hóa cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu và tiêu dùng, đặc biệt là vành đai lương thực, thực phẩm, rau quả hàng hóa cho Vùng KTTĐ phía Nam, nhất là Tp. HCM, nâng cấp và xây dựng mới các trung tâm giống cây trồng, vật nuôi, các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất sạch và an toàn... làm hạt nhân lan tỏa trong vùng Bắc sông Tiền về phát triển nông nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, phát triển các đô thị trung tâm, đô thị ngoại vi và các điểm dân cư nông thôn nhằm tạo ra một bức tranh phân bố dân cư mới, cải tạo nâng cấp kết cấu hạ tầng TP Mỹ Tho cho tương xứng với đô thị loại I - trung tâm kinh tế xã hội của vùng Bắc sông Tiền, chỉnh trang, nâng cấp, phát triển thị xã Gò Công và thị xã Cai Lậy đạt đô thị loại III, các thị trấn, hình thành các khu dân cư, khu đô thị - dịch vụ mới gắn với các KCN tập trung ở khu vực Đông Nam Tân Phước, Gò Công, xây dựng hoàn chỉnh các cụm, tuyến dân cư trong vùng lũ.

Về cấp thoát nước và rác thải, tiếp tục đầu

tư hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải, rác thải gắn liền với công tác quy hoạch xây dựng cải tạo, nâng cấp và phát triển thành phố, các thị xã, thị trấn, thị tứ, các khu dân cư tập trung. Chú trọng vấn đề cấp thoát nước và xử lý nước thải, rác thải của các khu, cụm, điểm công nghiệp, các bệnh viện, trường học. Quy hoạch, đầu tư, thu hút đầu tư các khu xử lý nước thải, rác thải cho đô thị, khu vực phát triển công nghiệp, dịch vụ. Tiến hành rà soát quy hoạch hệ thống cấp nước nông thôn gắn liền với việc quản lý khai thác, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước ngầm. Tiếp tục hỗ trợ và khuyến khích đầu tư phát triển hệ thống cấp nước và nâng cao chất lượng nước cho khu vực nông thôn. Phấn đấu đến năm 2020, giải quyết 100% dân cư nông thôn có nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Về phương hướng tổ chức không gian phát triển, phân vùng phát triển như sau: Vùng kinh tế - đô thị trung tâm bao gồm thành phố Mỹ Tho, huyện Chợ Gạo và huyện Châu Thành phát triển đô thị, dân cư, giáo dục đào tạo, y tế cấp tiểu vùng phía Tây Nam vùng TP. Hồ Chí Minh, phía Bắc của vùng ĐBSCL và vùng tỉnh, phát triển công nghiệp chế biến nông thủy sản, thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái cù lao trên sông Tiền, du lịch văn hóa, lịch sử cấp quốc gia, phát triển nông nghiệp công nghệ cao trồng hoa cây cảnh, rau an toàn. Vùng kinh tế - đô thị phía Đông gồm thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây và huyện Tân Phú Đông là vùng phát triển năng động thứ 2 của tỉnh Tiền Giang, phát triển kinh tế biển, phát triển công nghiệp cơ khí, dịch vụ cảng, logistic, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái biển, bảo tồn rừng ngập mặn. Vùng kinh tế - đô thị phía Tây gồm thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy, huyện Cái Bè và huyện Tân Phước, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, nông nghiệp công nghệ cao, phát triển thương mại dịch vụ, chợ đầu mối nông sản, du lịch sinh thái cảnh quan vườn cây ăn trái và

vùng Đồng Tháp Mười.

Phân bố dân cư nông thôn tỉnh Tiền Giang chủ yếu là hình thái cụm - điểm dân cư tại thị tứ, trung tâm huyện, xã, hình thái tuyến dân cư phân bố dọc theo đường giao thông, các sông kênh rạch lớn, và dạng hình thái phân bố rải rác trong khu vực chuyên canh lúa, ở đan xen vườn cây ăn trái gắn kết các hình thái dân cư này với mô hình du lịch cộng đồng. Mô hình phân bố dân cư nông thôn Tiền Giang là vùng đồng bằng trên cơ sở ấp, xã. Quy hoạch xây dựng xã theo mô hình nông thôn mới, để đảm bảo tiện nghi về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và hình thành các vùng chuyên canh lớn, cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp để phù hợp với quá trình CNH-HĐH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn.

Về định hướng phát triển nhà ở, tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, đề án nhà ở trọng điểm giai đoạn 2011 - 2020 đã được Chính phủ phê duyệt: Chương trình đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, Chương trình đầu tư xây dựng nhà ở cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Chương trình phát triển nhà ở cho công nhân tại các KCN, Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ khu vực ĐBSCL, Chương trình hỗ trợ hộ nghèo khu vực nông thôn cải tạo nhà ở, Chương trình cải tạo, nâng cấp các khu nhà ở cũ để chỉnh trang đô thị theo quy hoạch...

Quyết định này đã đề ra các giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch, bao gồm: Giải pháp huy động vốn đầu tư; giải pháp về nguồn nhân lực; giải pháp về quy hoạch, đầu tư theo chương trình, công trình trọng điểm của tỉnh; giải pháp về khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường; giải pháp về tăng cường hợp tác liên tỉnh, liên vùng và mở rộng thị trường với bên ngoài; tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh
Bến Tre ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ,
tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

Ngày 31/12/2014, UBND tỉnh Bến Tre đã có Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Theo Quy định này, giá đất cụ thể tính tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với dự án có các thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi và thu nhập từ việc sử dụng đất tương tự nhau được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất. Tùy theo tính chất, quy mô của dự án thu hồi đất, UBND cấp huyện có thể thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất đủ năng lực tổ chức điều tra, khảo sát xác định giá cụ thể hoặc giao nhiệm vụ cho các Phòng ban chuyên môn, tổ chức điều tra, khảo sát, đề xuất giá đất cụ thể. Chi phí tổ chức điều tra, khảo sát xác định giá cụ thể được tính vào kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án hoặc từ nguồn kinh phí từ Kế hoạch định giá đất cụ thể của tỉnh. Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Mức bồi thường cụ thể căn cứ vào tính chất, quy mô của dự án, trên cơ sở đề xuất của UBND cấp huyện, trình UBND tỉnh quyết định.

Việc bồi thường về đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê

nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng, được bồi thường bằng tiền theo giá bồi thường đất phi nông nghiệp do UBND tỉnh quyết định. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Trường hợp phần còn lại của nhà ở, công trình vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì bồi thường theo thiệt hại thực tế. Mức bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất theo Khoản 1 và Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP không thấp hơn 50% và không vượt quá 100% giá trị xây dựng mới nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phải căn cứ biên bản điều tra hiện trạng để thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân đủ năng lực căn cứ hồ sơ hoàn công, quyết toán công trình hoặc lập lại thiết kế dự toán (trường hợp không có hồ sơ hoàn công hoặc thiết kế của công trình, quyết toán) để lập dự toán xây dựng công trình mới có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Trên

cơ sở hồ sơ bản vẽ hiện trạng, dự toán xây dựng mới của đơn vị tư vấn lập, UBND cấp huyện tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

Việc bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ (trừ các trường hợp quy định tại Điều 18, 19, 23 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và được quy định chi tiết tại Chương III Quy định này) quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, UBND cấp huyện có báo cáo, đề xuất để UBND tỉnh xem xét, quyết định mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể.

Hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp hàng tháng) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp thì mỗi nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà và diện tích cơ sở trái phép, nhưng được bồi thường chi phí cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đối với phần được cơ quan có thẩm quyền cho phép thực hiện. Mức bồi thường chi phí cải tạo, sửa chữa, nâng cấp được tính trên cơ sở đơn giá xây dựng mới tại Quyết định về việc ban hành Bảng giá nhà, vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre (đối với phần cải tạo, sửa chữa, nâng cấp được cho phép).

Việc bồi thường đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đồng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tự thỏa thuận, phân chia tiền bồi thường về đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trường hợp các bên không tự thỏa thuận được thì tổ chức bồi thường gửi số tiền bồi thường vào ngân hàng thương mại nhà nước có mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cao nhất trên địa bàn và hướng dẫn các bên giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Tổ chức bồi thường sẽ chi trả tiền bồi thường theo quyết định của cơ quan thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Việc hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở quy định tại Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau: Trường hợp trong hộ chính có hộ phụ có hộ khẩu riêng và đủ điều kiện bồi thường về nhà thì được bố trí tái định cư. Trường hợp hộ chính chỉ thu hồi đất nông nghiệp mà hộ phụ có hộ khẩu riêng và đủ điều kiện bồi thường về nhà thì cũng được bố trí tái định cư. Trường hợp hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 1 thửa đất ở thu hồi (việc bố trí tái định cư tính trên mỗi hộ). Người bị thu hồi đất ở, không còn chỗ ở khác thì trong thời gian chờ tạo lập lại chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư tập trung) được bố trí vào nhà ở tạm hoặc được hỗ trợ tiền thuê nhà ở đến khi giao đất tái định cư.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.bentre.gov.vn)

**Quyết định số 102/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh
Nghệ An ban hành giá xây dựng mới của nhà,
công trình làm cơ sở xác định giá trị bồi thường,
hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
năm 2015 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Ngày 26/12/2014, UBND tỉnh Nghệ An đã có Quyết định số 102/2014/QĐ-UBND ban hành giá xây dựng mới của nhà, công trình làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Theo đó, bảng giá xây dựng mới các loại nhà là giá xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định của Bộ Xây dựng. Khi xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật, tùy trường hợp cụ thể áp dụng như sau: Được điều chỉnh (trừ sàn nhà) với hệ số $K = 1,1$ đối với khu vực thuộc các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong, Quỳnh Châu, Con Cuông. Diện tích xây dựng là diện tích che phủ xác định dựa trên hình chiếu theo phương thẳng đứng của các kích thước phủ bì tòa nhà trên mặt đất khi đã hoàn thiện. Diện tích xây dựng không bao gồm: Các kết cấu xây dựng hoặc các bộ phận của kết cấu không được vươn lên trên mặt đất; các bộ phận phụ như thang bộ ngoài nhà, đường dốc ngoài nhà, bậc tam cấp, mái đua, các tấm chắn nắng ngang, mái treo, đèn đường...; các diện tích chiếm chỗ của các thiết bị ngoài trời như điều hòa nhiệt độ, ống thông hơi... Diện tích sàn xây dựng được tính theo kích thước phủ bì của các bộ phận bao quanh sàn. Đối với nhà, trần, lambri, rui chông, khuôn cửa của nhà được tính riêng. Nhà có cửa đi 2 lớp thì cửa lớp ngoài được tính riêng; đối với nhà có cửa sổ 2 lớp thì cửa lớp trong được tính riêng. Nhà 2 lớp mái thì lớp mái trong được tính riêng. Nhà có ốp tường thì được tính thêm phần chênh lệch giữa giá ốp tường với giá sơn hoặc quét vôi (không tính phần ốp có chiều cao nhỏ

hơn hoặc bằng 2 m đối với nhà bếp và nhà vệ sinh đã được tính trong giá nhà). Nhà có bếp nấu ăn bên trong đã được xây ngăn tủ bếp, đồ tắm bê tông cốt thép (BTCT) dày 10 cm, tường và mặt bàn bếp ốp gạch, khi áp giá được nhân thêm hệ số điều chỉnh $K_{đc} = 1,03$ trên toàn bộ diện tích xây dựng đối với nhà 1 tầng và tính trên diện tích của tầng bố trí bếp đối với nhà 2 tầng trở lên. Nhà ở một tầng không có trần bê tông và các loại nhà khác có bố trí khi vệ sinh xây trong nhà, không có mái, tường ốp gạch liên danh thì chi phí xây dựng nhà vệ sinh được tính riêng (không trừ vào diện tích nhà). Nhà ở một tầng không có trần bê tông có diện tích via tầng đa (chấn mái) nhỏ hơn 15% diện tích xây dựng thì áp giá theo giá nhà mái chày không có via tầng đa và được tính bù thêm diện tích mái bê tông. Đối với nhà mái bằng, nhưng do điều kiện kinh tế hộ gia đình đồ bằng không hết diện tích xây dựng thì phần đồ bằng không hết được tính theo giá của nhà mái bằng và khấu trừ phần chênh lệch giá giữa mái bê tông và mái thực tế của phần diện tích đó. Cầu thang lên gác xép (gác lửng) của nhà ở gia đình hoặc nhà (ót) và cầu thang bộ ngoài nhà được tính riêng. Cầu thang trong nhà tầng (hoặc nhà có trần là BTCT) thì phần lan can, ốp lát bậc cầu thang được tính riêng (phần kết cấu bê tông bản thang và phần thô bậc cầu thang đã nằm trong giá nhà). Nhà có cửa đi, cửa sổ bằng vật liệu khác, chất lượng gỗ khác mẫu nhà trong Bảng số 1 ban hành kèm theo Quyết định này thì được tính bổ sung thêm phần giá trị chênh lệch theo quy định. Nhà xây dựng có kiến trúc, kết cấu, chiều cao nhà, chiều cao móng và sử dụng loại vật liệu không phù hợp hoàn toàn với

những mẫu nhà trong Bảng số 1 ban hành kèm theo Quyết định này thì khi xác định giá bồi thường, hỗ trợ được tính chênh lệch bù trừ đối với các sai khác không phù hợp đó.

Nhà chăn nuôi có móng xây và tường gạch, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các huyện, thành, thị căn cứ vào giá các mẫu nhà quy định tại Mục IV (Các loại nhà khác) Bảng số 1 để vận dụng xác định giá trị bồi thường. Đối với nhà sàn thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư từng huyện, thành, thị xã căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương để xác định giá trị bồi thường phù hợp nhưng không vượt mức giá tối đa quy định tại Bảng số 1.

Cũng theo Quy định này, đối với công trình khác, cụ thể là non bộ, phần bể đựng nước không di dời được tính chi phí bồi thường theo giá Bể chứa nước (mục 52, 53) tại Bảng số 2. Trường hợp bể đựng non bộ có ốp lát gạch men các loại được tính bổ sung theo giá ốp gạch (mục 15, 16) tại Bảng số 2. Phần non bộ và bể đựng nước di dời được thì tính chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp dựng và thiệt hại do tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt. Đối với nhà thờ, lăng mộ đặc thù (có thiết kế và sử dụng các loại vật liệu riêng biệt) được bồi thường theo dự toán thiết kế riêng và giá dự toán thực tế tại thời điểm bồi thường tính theo Đơn giá xây dựng công trình đã được UBND tỉnh công bố, giá vật liệu xây dựng do Liên sở Xây dựng - Tài chính công bố (trường hợp không có trong hệ thống giá do tỉnh công bố thì căn cứ vào báo giá nhà sản xuất,

thông tin giá nhà cung cấp, giá thực tế trên thị trường tại địa bàn để áp dụng). Di dời tọc xăng, dầu, máy bơm xăng, đường điện nội bộ của trạm xăng dầu (nếu có), tính chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và thiệt hại do tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt. Trường hợp các xã có địa hình khó khăn ở các huyện miền núi, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư căn cứ thực tế, báo cáo xin ý kiến của UBND tỉnh và các Sở, Ban ngành liên quan trước khi thực hiện lập phương án bồi thường đối với các trường hợp đặc biệt.

Đối với các tài sản không thể vận dụng theo giá tại Bảng số 1, Bảng số 2 thì xác định giá theo dự toán thực tế tại thời điểm bồi thường tính theo Đơn giá xây dựng công trình đã được UBND tỉnh công bố, giá vật liệu xây dựng do Liên sở Xây dựng - Tài chính công bố (trường hợp không có trong hệ thống giá tỉnh công bố thì căn cứ vào giá nhà sản xuất, thông tin giá nhà cung cấp, giá thực tế trên thị trường tại địa bàn để áp dụng). Dự toán chi phí chỉ tính đến chi phí trực tiếp và thuế giá trị gia tăng. Các phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã hoàn thành việc thanh toán tiền cho các đối tượng được bồi thường, hỗ trợ thì vẫn thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

(Xem toàn văn tại www.nghean.gov.vn)

**Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND của UBND
thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về giá
các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh
áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019**

Ngày 31/12/2014, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày

01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2019 để làm căn cứ trong các trường hợp sau: Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với

phần diện tích trong hạn mức, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; tính thuế sử dụng đất; tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai; tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai; tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Theo Quy định này, đối với đất phi nông nghiệp, đối với 19 quận trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì áp dụng khung giá đất của đô thị đặc biệt theo quy định của Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất; đối với thị trấn của 5 huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì áp dụng theo khung giá đất của đô thị loại V; đối với các xã thuộc 5 huyện áp dụng theo khung giá đất của xã đồng bằng. Đất phi nông nghiệp được phân loại thành 4 vị trí: Vị trí 1 là đất có vị trí mặt tiền đường áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt giáp với đường được quy định trong bảng giá đất; vị trí 2 áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt tiếp giáp với hẻm có độ rộng từ 5 m trở lên thì tính bằng 0,7 của vị trí 1; vị trí 3 áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt tiếp giáp với hẻm có độ rộng từ 3 m đến 5 m thì tính bằng 0,8 của vị trí 2; vị trí 4 áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có những vị trí còn lại tính bằng 0,8 của vị trí 3. Trường hợp các vị trí nêu trên có độ sâu tính từ mép trong lề đường của mặt tiền đường (theo bản đồ địa chính) từ 100 m trở lên thì giá đất tính giảm 10% của từng vị trí. Khi áp dụng quy định trên thì giá đất thuộc đô thị đặc biệt tại vị trí không mặt tiền đường không được thấp hơn mức giá tối thiểu trong

khung giá đất của Chính phủ, tương ứng với từng loại đất. Đất thương mại, dịch vụ tính bằng 80% giá đất ở liền kề. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ. Đất sử dụng vào các mục đích công cộng có mục đích kinh doanh, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất công trình sự nghiệp tính bằng 60% giá đất ở liền kề. Đối với giá đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, UBND Thành phố sẽ quyết định cụ thể cho từng trường hợp phát sinh. Đối với đất chưa sử dụng, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để đưa vào sử dụng thì căn cứ phương pháp định giá đất và giá của loại đất cùng mục đích sử dụng đã được giao đất, cho thuê đất tại khu vực lân cận để xác định mức giá.

Giá đất nông nghiệp khác được tính bằng giá của loại đất nông nghiệp liền kề. Trường hợp không có giá của loại đất nông nghiệp liền kề thì tính bằng giá của loại đất nông nghiệp trước khi chuyển sang loại đất nông nghiệp khác. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản, sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản tính bằng 100% giá đất nuôi trồng thủy sản; sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp tính bằng 50% giá loại đất phi nông nghiệp liền kề cùng loại đất; sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp nuôi trồng thủy sản, giá đất được xác định trên diện tích từng loại đất cụ thể. Trường hợp không xác định được diện tích từng loại thì tính theo loại đất sử dụng chính. Đối với đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng tính bằng 80% giá đất rừng sản xuất. Các loại đất phi nông nghiệp còn lại căn cứ vào phương pháp định giá, so sánh các loại đất liền kề để quy định mức giá đất.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

**(Xem toàn văn tại
www.hochiminhcity.gov.vn)**

Quyết định số 70/QĐ-UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 07/01/2015, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quy định này, đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân và mục đích áp dụng hạn mức như sau: Hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân các Quận 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú không quá 160 m²/ hộ; các Quận 2, 7, 9, 12, Bình Tân, Thủ Đức và thị trấn các huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè không quá 200 m²/ hộ; khu quy hoạch phát triển đô thị không quá 250 m²/ hộ; huyện Cần Giuộc và các khu dân cư nông thôn không quá 300 m²/ hộ.

Hạn mức đất ở quy định trên áp dụng cho các mục đích sau: Giao đất cho hộ gia đình, cá nhân tự xây nhà ở; cho phép hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất để tự xây nhà ở; xác định nghĩa vụ tài chính trong trường hợp giao đất cho hộ gia đình, cá nhân tự xây nhà ở, cho phép hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc tài sản khác gắn liền với đất” đối với đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, thu thuế sử dụng đất ở; bồi thường, hỗ trợ về đất ở cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất; công nhận quyền sử dụng đất ở đối với trường hợp đất ở có vườn, ao.

Đối với đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư được sử dụng trước hoặc sau ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 mà trong hồ sơ địa chính hoặc trên các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2, và 5 Điều 50 Luật Đất đai có ghi nhận rõ ranh giới thửa đất ở (hoặc thổ

cụ) thì diện tích đất ở được xác định theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 87 Luật Đất đai. Đối với đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở người đang sử dụng có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các Khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở theo quy định tại Khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định như sau: Trường hợp sử dụng đất trước ngày 18/12/1980 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định bằng 5 lần hạn mức diện tích giao đất ở theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định này; trường hợp sử dụng đất từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định bằng 1 lần hạn mức diện tích giao đất ở theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

Đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định theo Mục b, Khoản 2 Điều này. Các trường hợp sử dụng đất theo Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này khi xác định diện tích đất ở thì tổng diện tích đất ở không được vượt quá diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng. Sau khi đã xác định diện tích đất ở theo quy định tại Điều này thì phần diện tích còn lại được xác định theo hiện trạng loại đất đang sử dụng.

Cũng theo Quy định này, hạn mức đất ở áp dụng hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở theo Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996, Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 và Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ, các Quận 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10,

11, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú không quá 200 m²/ hộ; các Quận 2, 7, 9, 12, Bình Tân, Thủ Đức và thị trấn các huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè không quá 250 m²/ hộ; khu quy hoạch phát triển đô thị không quá 300 m²/ hộ; huyện Cần Giờ và các

khu dân cư nông thôn không quá 400 m²/ hộ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại
www.hochiminhcity.gov.vn)

Quyết định số 65/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng phát triển Khu kinh tế Năm Căn, giai đoạn 2015 - 2020 và những năm tiếp theo

Ngày 16/01/2015, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 65/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng phát triển Khu kinh tế Năm Căn, giai đoạn 2015 - 2020 và những năm tiếp theo.

Theo quy hoạch chung, Khu kinh tế Năm Căn nằm dọc theo hành lang trục Quốc lộ 1, thuộc địa bàn huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, bao gồm: Thị trấn Năm Căn, xã Hàm Rồng, xã Hàng Vịnh và ấp Ông Do của xã Đất Mới. Diện tích tự nhiên là 10.801,95 ha, dân số hiện trạng (2011) là 34.496 người.

Quan điểm phát triển được xác định như sau: Là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm khu phi thuế quan (công nghiệp - thương mại - dịch vụ) và khu thuế quan (đô thị, nuôi trồng thủy sản kỹ thuật cao, dịch vụ du lịch sinh thái và các trung tâm tiếp vận của vùng tỉnh Cà Mau); là đầu mối giao thương quốc tế của tỉnh Cà Mau và vùng đồng bằng sông Cửu Long; là động lực phát triển kinh tế của tiểu vùng phía Nam tỉnh Cà Mau với trọng tâm phát triển công nghiệp cơ khí, đóng mới tàu biển và dịch vụ tài chính, viễn thông; là trung tâm dịch vụ du lịch sinh thái đặc trưng rừng ngập mặn, Trung tâm công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nuôi trồng, chế biến thủy sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long; có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia; đầu tư phát triển Khu

kinh tế Năm Căn đồng bộ, thống nhất với quá trình phát triển chung của đô thị Năm Căn và các vùng lân cận.

Kế hoạch này đã xác định mục tiêu cụ thể về quy hoạch và đầu tư xây dựng trong năm 2015, lập quy hoạch các khu chức năng của Khu kinh tế gồm khu dịch vụ tài chính ngân hàng, khu dịch vụ thương mại, khu trưng bày sản phẩm, khu phát triển hệ thống khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, các kho bãi, dịch vụ vận tải, khu phi thuế quan... để làm cơ sở mời gọi các nhà đầu tư; năm 2015 - 2017, lập và triển khai quy hoạch xây dựng khu tái định cư để ổn định đời sống dân cư; năm 2016 - 2018, tiến hành xây dựng khu quản lý khu kinh tế như quản lý nhà nước, quản lý xuất nhập khẩu, quản lý ra vào khu phi thuế quan...; năm 2016 - 2020, xây dựng kết cấu hạ tầng đầu nối giữa đường Hồ Chí Minh, đường trục chính Khu kinh tế, khu phi thuế quan và các hạ tầng khu đô thị Năm Căn đảm bảo đồng bộ, tạo khả năng liên kết, khai thác lợi thế giữa các khu chức năng và khu đô thị một cách hợp lý, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khu phi thuế quan để tạo quỹ đất sạch đủ điều kiện mời gọi đầu tư xây dựng; năm 2017 - 2020, thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp cảng Năm Căn để sớm đưa vào khai thác một cách hiệu quả. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng mạnh tỉ trọng các khu vực

công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỉ trọng khu vực nông nghiệp; phấn đấu đến năm 2020, tỉ trọng khu vực nông nghiệp từ 20 - 25%, khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ từ 75 - 80%. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 tăng từ 1,5 - 1,7 lần so với mức thu nhập bình quân của tỉnh. Đời sống văn hóa tinh thần của người dân được nâng dần qua các năm, tỉ lệ hộ nghèo dưới 2%, tỉ lệ hộ lao động qua đào tạo đạt từ 85 - 90%.

Về định hướng phát triển kết cấu hạ tầng, huy động tốt nội lực trong tỉnh, tăng cường thu hút các nguồn lực từ bên ngoài (vốn hỗ trợ ngân sách của Trung ương, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp...) để đầu tư, xây dựng, củng cố nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng trong vùng, nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động kinh tế, đối ngoại, xuất nhập khẩu, sản xuất và đời sống dân cư; về giao thông, ưu tiên khai thác hiệu quả tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn qua huyện Năm Căn, tuyến đường trục chính Khu kinh tế, xây dựng mới tuyến Đầm Dơi - Năm Căn, đường trục Bắc - Nam của Khu kinh tế. Xây dựng đầu nối trục đường chính, đường trục Bắc - Nam khu kinh tế với hệ thống giao thông khu đô thị Năm Căn để khai thác đồng bộ, liên hoàn các khu chức năng trong khu kinh tế. Trước mắt, đầu tư xây dựng cầu qua sông Cái Nai để đầu nối khu hành chính huyện Năm Căn với đường Hồ Chí Minh và đường trục chính Khu kinh tế. Về hệ thống cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường sẽ từng bước xem xét đầu tư xây dựng theo quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế được duyệt. Về phát triển hệ thống đô thị và dân cư, từng bước phát triển trung tâm đô thị Năm Căn gắn liền với phát triển trung tâm thương mại, dịch vụ, tài chính ngân hàng và khu phi thuế quan. Ưu tiên vốn đầu tư kết cấu hạ tầng để đầu nối đường Hồ Chí Minh, đường trục chính khu kinh tế, khu phi thuế quan, hệ thống kho tàng bến bãi với các khu đô thị Năm Căn, Hàng Vĩnh, Hàm Rồng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế sau năm 2020 và bố trí phát triển

dân cư một cách hợp lý.

Về giải pháp thực hiện, lập quy hoạch phân khu dọc theo đường trục chính khu kinh tế để mời gọi các nhà đầu tư để các nhà đầu tư lập quy hoạch chi tiết, thực hiện đầu tư xây dựng. Sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn vốn do Trung ương hỗ trợ đầu tư các công trình trọng điểm như đường trục chính, khu phi thuế quan, khu tái định cư, nâng cấp cảng Năm Căn. Đối với đầu tư hạ tầng một số dự án chuyên ngành như điện, nước, sẽ tạo điều kiện hỗ trợ cho các ngành đầu tư xây dựng đồng bộ với hệ thống hạ tầng giao thông đô thị. Một số công trình giao thông mang tính đầu nối giữa các trục chính, các phân khu chức năng sẽ xem xét thực hiện đầu tư theo hình thức ứng vốn xây dựng, sau đó giao lại cho chính quyền địa phương có trách nhiệm thu hoàn vốn từ nguồn thu quỹ đất, chuyển mục đích sử dụng đất hoặc khai thác các lợi thế hiện có để tận dụng nguồn thu. Có chính sách tài chính tiền tệ linh hoạt để tạo điều kiện cho việc mua bán, thanh toán và các quan hệ giao dịch trong khu kinh tế được thuận tiện. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động dịch vụ ngân hàng theo quy định. Chính sách hợp tác tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi thúc đẩy phát triển giao lưu kinh tế và thương mại trong khu phi thuế quan. Liên kết với các tỉnh, thành để giao lưu kinh tế, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa trong khu kinh tế. Thực hiện chính sách kích cầu trong xây dựng, tiêu dùng, hỗ trợ đầu tư chiều sâu, trang thiết bị và công nghệ hiện đại, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. Đơn giản hóa các thủ tục để tạo điều kiện cho các nhà đầu tư phát triển và mở rộng sản xuất. Nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, khuyến khích các nhà đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực có công nghệ cao, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.camau.gov.vn)



Nghiệm thu Đề tài: Nghiên cứu chế tạo bê tông chịu lửa chứa cacbon cho công nghiệp luyện kim

Ngày 29/01/2015, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu chế tạo bê tông chịu lửa (BTCL) chứa cacbon cho công nghiệp luyện kim” - mã số RD 114-13 do Viện Vật liệu xây dựng chủ trì thực hiện. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu chủ trì Hội nghị.

Theo báo cáo của chủ nhiệm Đề tài - TS. Vũ Văn Dũng, để đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp luyện kim, nhiều loại BTCL tiên tiến đã được nghiên cứu và phát triển trong những năm qua: BTCL không chứa xi măng, BTCL spinel, BTCL chứa cacbon... Trong BTCL chứa cacbon, hệ $Al_2O_3 - SiC - C$ được sử dụng nhiều nhất trong đa số các thiết bị nhiệt của ngành công nghiệp luyện kim (làm lớp lót tại một số vị trí của lò cao, lò tinh luyện) do có nhiều ưu điểm như tính ổn định nhiệt độ cao, ít thấm ướt đối với xỉ nóng chảy hoặc kim loại lỏng, hệ số dẫn nhiệt cao. Do hiện nay, hầu hết các loại BTCL dùng cho lò luyện thép trong nước đều phải nhập khẩu với giá thành rất cao, nên Đề tài hướng tới mục tiêu nghiên cứu và nắm bắt công nghệ chế tạo BTCL chứa cacbon của các nước tiên tiến trên thế giới, xây dựng quy trình ứng dụng vào thực tế sản xuất vật liệu chịu lửa tại Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của thị trường thay thế dần vật liệu nhập khẩu.

TS. Vũ Văn Dũng cho biết: ý tưởng sử dụng cacbon trong vật liệu chịu lửa xuất phát từ các đặc tính chịu nhiệt và độ bền sốc nhiệt rất cao, tính không thấm ướt bởi kim loại và xỉ nóng chảy của cacbon. BTCL chứa cacbon được phát triển dựa trên hệ BTCL có bổ sung các nguồn nguyên liệu chứa cacbon, thành phần gồm cốt liệu chịu lửa, cacbon, phụ gia hoạt tính, phụ gia phân tán... Nhóm tác giả đã tập trung nghiên cứu 02 loại cốt liệu chịu lửa mulit (A60 - sản phẩm sản xuất thử nghiệm của Viện VLXD)



ThS. Trần Đình Thái - Chủ tịch HĐNT chủ trì cuộc họp

và corindon (BFA - sản phẩm của công ty CP đá mài Hải Dương); kết hợp sử dụng với các nguyên liệu trong nước (SiC, bột oxit nhôm hoạt tính) và một số nguyên liệu nhập ngoại để chế tạo thành công BTCL cho lò luyện kim. Sản phẩm đề tài đã đạt được mục tiêu chất lượng đề ra, tương đương với các sản phẩm nhập khẩu, trong khi giá thành rẻ hơn rất nhiều do sử dụng nguyên liệu đầu vào có nguồn gốc trong nước. Sản phẩm đề tài cũng đã được ứng dụng thử nghiệm xây lớp lót rãnh ra gang lỏng tại Công ty cổ phần thép Hòa Phát, được đánh giá không thua kém sản phẩm nhập khẩu cùng loại.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đánh giá rất cao hiệu quả kinh tế và tính ứng dụng của Đề tài và mong muốn sản phẩm của Đề tài sẽ được sản xuất ở quy mô công nghiệp, dần thay thế sản phẩm nhập ngoại trên thị trường, mở ra hướng đi mới trong nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm mới có tính năng kỹ thuật cao cho ngành công nghiệp luyện kim.

Trên cơ sở các ý kiến của các thành viên Hội đồng, ThS. Trần Đình Thái - Chủ tịch Hội đồng đã phát biểu kết luận và thông qua kết quả bỏ phiếu cho mức độ hoàn thiện Đề tài đạt loại Xuất sắc.

Lệ Minh

Nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học của Viện Sinh thái và bảo vệ công trình

Ngày 02/02/2015, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu các kết quả nghiên cứu của 02 đề tài: “Nghiên cứu hệ thống trạm bả để phòng chống mối Coptotermes cho công trình xây dựng ở Việt Nam” - mã số RD 131- 13 và “Nghiên cứu thử nghiệm đánh giá hiệu quả của hệ thống trạm bả phòng mối xung quanh công trình xây dựng ở điều kiện Việt Nam” mã số TC 115-14 do Viện Sinh thái và bảo vệ công trình chủ trì thực hiện, ThS. Nguyễn Thúy Hiền và TS. Nguyễn Tân Vương là các chủ nhiệm đề tài.

Báo cáo tại buổi họp nghiệm thu, ThS. Nguyễn Thúy Hiền cho biết: Mối được xem là một trong những đối tượng gây hư hại phổ biến và nghiêm trọng nhất cho các công trình xây dựng. Chúng tấn công ngấm từ dưới đất lên nhà cửa và các cấu kiện gỗ trong công trình. Trong số các loài mối, giống mối ngấm Coptotermes được đánh giá là nhóm gây hại nghiêm trọng nhất. Thay vì xử lý mối khi chúng đã tấn công vào công trình, dựa trên những nghiên cứu và ứng dụng tại nhiều nước trên thế giới, nhóm thực hiện đã đưa ra biện pháp nhằm ngăn chặn mối ngấm tấn công vào công trình ngay từ khi xây dựng. Do đó, việc nghiên cứu phòng chống tác nhân mối đối với các công trình xây dựng là hết sức cần thiết.

Báo cáo tổng hợp Đề tài “Nghiên cứu hệ thống trạm bả để phòng chống mối Coptotermes” của ThS. Nguyễn Thúy Hiền gồm 125 trang, với 17 bảng biểu, 33 hình vẽ và 106 tài liệu tham khảo, trong đó có 8 tài liệu bằng tiếng Việt. Nhóm nghiên cứu đã dùng phương pháp đánh giá tổng quan các biện pháp phòng trừ mối được áp dụng tại Việt Nam và thế giới; phân tích lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện của Việt Nam; cải tiến đề xuất giải pháp phù hợp để thực hiện. Dựa trên các



ThS. Nguyễn Thúy Hiền báo cáo trước Hội đồng kết quả đề tài

đặc điểm sinh học, sinh thái học của loài Coptotermes gây hại chính cho công trình xây dựng kết hợp với đặc điểm kiến trúc chung của công trình liên quan đến sự xâm nhập, cư trú của mối, nhóm nghiên cứu đã đề xuất sử dụng hệ thống trạm bả để xử lý mối cho các công trình xây dựng, đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa thân thiện với môi trường. Thông qua nghiên cứu con đường mối xâm nhập vào công trình, nhóm thực hiện đã đề xuất giải pháp sử dụng 3 hệ thống trạm bả gồm: hệ thống trạm bả bên ngoài; hệ thống trạm gắn vào trong tường và hệ thống phòng mối nằm trong nền công trình. Kỹ thuật phòng trừ mối cho công trình sẽ được thực hiện theo các bước: Xử lý các đàn mối đang gây hại bên trong, bên ngoài và xung quanh công trình mục tiêu nhằm ngăn chặn mối tấn công vào công trình; Xây dựng hệ thống trạm phòng trừ mối xung quanh, trong nền và trên tường công trình để giám sát, ngăn chặn và xử lý trước khi mối xâm nhập và gây hại công trình; Giám sát định kỳ công trình, lập kế hoạch kiểm tra và phát hiện sớm các dấu hiệu hoạt động của mối định kỳ, giám sát dấu hiệu của mối tại các trạm nhử, kiểm soát các vật liệu có nguồn gốc Cellulose đưa vào công trình để bảo vệ công trình trước sự tấn công của mối. Với các biện pháp phòng trừ mối tổng hợp như trên

có thể đảm bảo việc kiểm soát mối toàn diện và triệt để, duy trì hiệu quả lâu dài cho công trình xây dựng.

Báo cáo về đề tài “Nghiên cứu thử nghiệm đánh giá hiệu quả của hệ thống trạm bả phòng mối xung quanh công trình xây dựng ở điều kiện Việt Nam”, TS. Nguyễn Tân Vương cho biết, nhóm đề tài đã sử dụng 3 phương pháp nghiên cứu khác nhau: phương pháp hồi cứu, phương pháp chuyên gia và phương pháp xây dựng mô hình thử nghiệm, đồng thời, sử dụng 5 cách tiếp cận là: tiếp cận thực tiễn ở Việt Nam; tiếp cận thực tế ở nước ngoài; tiếp cận kinh nghiệm; tiếp cận môi trường và tiếp cận khoa học. Đề tài đã cung cấp có hệ thống và đầy đủ nhất về những đặc điểm sinh học của 3 loài: *Coptotermes*, *C. Formosanus* và *C. Curvignathus* - là những loài mối gây hại nguy hiểm và phổ biến trong công trình xây dựng, những đặc điểm sinh hoạt này liên quan đến kỹ thuật và hiệu quả bả diệt mối. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn tổng hợp, phân tích hiệu ứng các loại bả đang được sử dụng trên thế giới để lựa chọn chủng loại bả cùng hoạt chất tác dụng phù hợp với môi trường và điều kiện của Việt Nam; tạo lập dụng cụ và vật liệu cho hệ thống trạm bả diệt mối; xây dựng được quy trình thực hiện đặt hệ thống trạm bả quanh công trình xây dựng; thử nghiệm và đánh giá hiệu quả các mô hình đặt trạm bả diệt mối với các loại bả TPM-BDM 10 và Sentricon và kết luận trạm bả BDM 10 có hiệu quả hơn Sentricon trong điều kiện ở Việt Nam.

Các thành viên trong Hội đồng đánh giá cao kết quả mà các chủ nhiệm đề tài đã thực hiện



TS. Nguyễn Tân Vương báo cáo trước Hội đồng kết quả đề tài

và nhận định đây là công nghệ tiên tiến được ứng dụng nhiều trên thế giới, mang lại hiệu quả kinh tế cao và thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, đối với đề tài của ThS. Nguyễn Thúc Hiền, cần rút gọn nội dung báo cáo, một số phương pháp trình bày còn sơ sài; đối với đề tài của TS. Nguyễn Tân Vương, đề tài mới chỉ thực nghiệm tại các công trình nhà sàn, không thực nghiệm tại các công trình xây dựng có diện tích lớn, do đó cần bổ sung thêm kinh phí, điều kiện để hoàn thiện đề tài này, đồng thời cần làm rõ hơn về một số khái niệm trong báo cáo thuyết minh.

Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường đã đánh giá cao kết quả thực hiện của 2 đề tài, đồng thời yêu cầu chủ nhiệm của 2 đề tài chỉnh sửa báo cáo đề tài theo đúng quy định về báo cáo khoa học, điều chỉnh lại phạm vi áp dụng của đề tài, tách bạch các phương pháp xử lý mối trong và ngoài nước và có đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế.

Với kết quả đạt được, 02 đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Khá.

Bích Ngọc

Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn lĩnh vực khảo sát, đo đạc ngành Xây dựng đến năm 2030”

Ngày 03/02/2014, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy hoạch hệ thống các

quy chuẩn, tiêu chuẩn trong lĩnh vực khảo sát, đo đạc ngành Xây dựng đến năm 2030” - mã số TC 04-12 do Viện Khoa học Công nghệ xây

dựng chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo trước Hội đồng nghiệm thu, TS. Phạm Quyết Thắng - chủ nhiệm đề tài, cho biết, trong những năm qua, rất nhiều tiêu chuẩn về khảo sát, đo đạc của ngành Xây dựng đã được biên soạn, đáp ứng được nhu cầu thực tế và đảm bảo thống nhất quản lý chất lượng các công trình xây dựng trong suốt quá trình thực hiện. Đến nay tổng cộng có 97 tiêu chuẩn lĩnh vực khảo sát và 48 tiêu chuẩn lĩnh vực đo đạc thuộc ngành Xây dựng đã được biên soạn và có hiệu lực sử dụng. Các tiêu chuẩn này chủ yếu được biên soạn dựa trên các tiêu chuẩn của Nga và một số các tiêu chuẩn của các nước Anh, Mỹ. Tuy nhiên các tiêu chuẩn được đề xuất và soạn thảo thường xuất phát từ nhu cầu thực tế, chỉ mang tính thời sự, không theo đúng quy hoạch đã vạch ra, nên các tiêu chuẩn hiện hành thiếu tính hệ thống và không theo kịp trình độ phát triển khoa học kỹ thuật hiện nay. Do đó, để đáp ứng được các tiêu chí của một hệ thống tiêu chuẩn trong tình hình mới và hội nhập kinh tế, xã hội, kỹ thuật của nước ta, cần phải nghiên cứu xây dựng một hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp, vừa có tính kế thừa vừa mang tính phát triển, đáp ứng được nhu cầu phát triển theo các định hướng chiến lược đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Đảng và Nhà nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế, khoa học kỹ thuật với các nước tiên tiến trên thế giới và trong khu vực.

Xuất phát từ đó, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện Khoa học Công nghệ xây dựng thực hiện Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn lĩnh vực khảo sát, đo đạc ngành Xây dựng đến năm 2030”.

Mục tiêu của Đề tài là nhằm rà soát, xây dựng một hệ thống danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong lĩnh vực khảo sát và đo đạc ngành Xây dựng, đồng thời lập kế hoạch thực hiện trong giai đoạn đến năm 2030.



Toàn cảnh buổi làm việc của Hội đồng nghiệm thu

Việc xây dựng danh mục các quy chuẩn, tiêu chuẩn trong lĩnh vực khảo sát và đo đạc ngành Xây dựng đã được nhóm nghiên cứu tham khảo hệ thống tiêu chuẩn của các nước tiên tiến và có ảnh hưởng lớn đến công nghệ xây dựng của nước ta như Mỹ, Anh, Pháp, Nga và Trung Quốc.

Phát biểu góp ý cho Đề tài, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính cần thiết và tính chiến lược của đề tài. Tuy nhiên, theo các thành viên Hội đồng, nhóm nghiên cứu cần bổ sung các tiêu chuẩn về khảo sát, đánh giá chất lượng môi trường công trình, sử dụng thống nhất và nêu rõ các định nghĩa, khái niệm về khảo sát và đo đạc, hệ thống hóa các quy chuẩn, tiêu chuẩn, đặc biệt cần xây dựng Sổ tay hướng dẫn để thuận tiện hơn cho công tác triển khai.

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, TS. Nguyễn Trung Hòa đánh giá cao những nỗ lực của nhóm nghiên cứu trong việc tìm tòi và xây dựng được một bản quy hoạch có giá trị, đồng thời yêu cầu nhóm nghiên cứu tiếp thu ý kiến của Hội đồng, tiến hành bổ sung, hoàn thiện báo cáo thuyết minh đề tài để đảm bảo được tính đồng bộ, tính cần thiết và hiệu quả của các loại quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát và đo đạc trong thực tế xây dựng, đáp ứng được các định hướng phát triển kinh tế xã hội nước ta đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Hội đồng đã bỏ phiếu nhất trí nghiệm thu đề tài với kết quả xếp loại Khá.

Hoàng Đại Hải

Nghiệm thu đề tài biên soạn tiêu chuẩn “Soát xét, bổ sung TCVN 7958:2008 và xây dựng Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống mối cho công trình xây dựng mới”

Ngày 03/02/2015, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Soát xét, bổ sung TCVN 7958:2008 và xây dựng Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống mối cho công trình xây dựng mới” - mã số TC 67-13. Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng chủ trì cuộc họp.

Thay mặt nhóm nghiên cứu của Viện Sinh thái và bảo vệ công trình, TS. Nguyễn Tân Vương - Chủ nhiệm Đề tài cho biết, TCVN 7958:2008 “Phòng chống mối cho công trình xây dựng” được ban hành từ năm 2008, qua một thời gian áp dụng, đã bộc lộ một số bất cập trong việc đánh giá mức độ cần thiết áp dụng các biện pháp phòng mối dựa vào tuổi thọ công trình. Ví dụ: công trình càng bền vững được quy định là loại cấp thiết phòng chống mối (loại A); tuy nhiên trên thực tế các công trình này ít, thậm chí không sử dụng gỗ làm kết cấu chịu lực, do đó ít bị hư hại bởi mối và mức độ cần thiết thấp; các biện pháp áp dụng trong tiêu chuẩn TCVN 7958:2008 dùng hóa chất nhiều, ảnh hưởng không tốt đến môi trường, trong khi các biện pháp tiên tiến thân thiện môi trường hơn đã và đang được ứng dụng rộng rãi trên thế giới nhưng chưa được cập nhật vào tiêu chuẩn; qua thực tế áp dụng tiêu chuẩn phòng chống mối TCVN 7958:2008 cho thấy, công trình sau khi xử lý chống mối vẫn bị mối xâm hại trở lại, do các biện pháp đề cập trong tiêu chuẩn có nhược điểm nhất định; những năm gần đây, đã có nhiều kết quả nghiên cứu về đặc điểm sinh học, sinh thái học của các loài mối ở Việt Nam được công bố là cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp phòng chống mối hiệu quả, thân thiện với môi trường... Từ các lý do nêu trên có thể thấy, việc soát xét, bổ sung và cập nhật những nội dung mới cho TCVN 7958:2008 là cần thiết.



TS. Nguyễn Trung Hòa phát biểu kết luận cuộc họp

Theo TS. Nguyễn Tân Vương, hiện nay, Viện Sinh thái và bảo vệ công trình đã có những thử nghiệm thành công trạm bả phòng chống mối trên công trình xây dựng và cho ra tiêu chuẩn cơ sở về sử dụng bả BDM 10 để diệt mối. Hóa chất bả là các chất ức chế sinh trưởng có nồng độ rất thấp, chỉ tác động chuyên biệt với mối, không ảnh hưởng tới người và sinh vật khác. Đồng thời, một số tiêu chuẩn hay luật kiểm soát côn trùng gây hại trong đô thị ở các nước phát triển như Úc, Mỹ (có điều kiện khí hậu gần với Việt Nam) đã quy định rõ kỹ thuật sử dụng một số biện pháp hóa chất có tác dụng sinh học để phòng chống mối rất hiệu quả. Như vậy, có thể thấy, việc soát xét tiêu chuẩn TCVN 7958:2008 là đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn và tạo điều kiện để đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tế phòng trừ mối cho các công trình xây dựng.

Qua tham khảo các tiêu chuẩn tương ứng của Mỹ, Úc, Malaysia..., kết hợp với đánh giá tình hình thực tế trong nước, nhóm đề tài đã tiến hành tổng hợp, phân tích các tài liệu công nghệ mới trong phòng chống mối của Việt Nam, soát xét và bổ sung cho tiêu chuẩn hiện hành. Đồng thời, nhóm cũng đã biên soạn tài liệu hướng dẫn kỹ thuật thực hiện công nghệ mới phòng chống mối cho công trình xây dựng.

Dự thảo tiêu chuẩn TCVN 7958:2014 quy định

các yêu cầu kỹ thuật của các biện pháp phòng chống mối cho các công trình xây dựng mới có sử dụng vật liệu bị mối phá hại (xenlulo, chất dẻo tổng hợp...) làm kết cấu hoặc có chứa đựng, lưu trữ các vật liệu, tài liệu có chứa xenlulo.

Dự thảo TCVN 7958:2014 và dự thảo Hướng dẫn kỹ thuật đã được các ủy viên phản biện và các thành viên khác trong Hội đồng đánh giá cao về tính khoa học, tính thực tế. Để giúp nhóm đề tài hoàn thiện các dự thảo theo đúng quy định, Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến

về thuật ngữ, văn phòng và một số nội dung nên rút gọn hoặc bổ sung...

Tổng hợp các ý kiến, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí với các đánh giá của Hội đồng, lưu ý nhóm tác giả tiếp thu chỉnh sửa các dự thảo, hoàn chỉnh trước tháng 4/2015; và nhất trí với Hội đồng nghiệm thu đề tài với kết quả xếp loại Khá.

Lê Minh

Nghiệm thu đề tài “Thiết kế, thi công và nghiệm thu kết cấu khối xây bằng gạch bê tông tổ ong”

Ngày 04/02/2015, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức nghiệm thu Đề tài “Thiết kế, thi công và nghiệm thu kết cấu khối xây bằng gạch bê tông tổ ong” - mã số TC 31-12 do Viện Khoa học Công nghệ xây dựng chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của Chủ nhiệm đề tài - TS. Lê Minh Long, chủ trương của Chính phủ là khuyến khích sử dụng vật liệu xây không nung để thay thế gạch đất sét nung, trong đó có bê tông tổ ong rất thân thiện với môi trường dùng để làm kết cấu bao che, ngăn che và ngày càng phổ biến rộng rãi tại Việt Nam. Tuy nhiên, tiêu chuẩn TCVN 5573:1991 trước đây và TCVN 5573:2011 hiện hành là tiêu chuẩn dùng chung cho kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép nói chung mà chưa chi tiết hóa cho việc sử dụng gạch bê tông tổ ong làm kết cấu bao che, ngăn che. Tiêu chuẩn TCVN 5573:2011 được chuyển dịch từ tiêu chuẩn thiết kế kết cấu gạch đá của Nga SNIP II-22-81*. Phiên bản TCVN 5573:2011 có cập nhật một số nội dung từ phiên bản SNIP II-22-81* (năm 2003).

Hiện nay, các nước tiên tiến trên thế giới đã có kinh nghiệm về việc thiết kế sử dụng các loại gạch nhẹ bằng bê tông tổ ong. Nga có tiêu



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu
chuẩn CTO 501-52-01-2007: Phần 1 quy định các yêu cầu về thiết kế và một số yêu cầu khi thi công và nghiệm thu các kết cấu bao che nhà ở và công trình công cộng sử dụng bê tông tổ ong. Trong tiêu chuẩn CTO 501-52-01-2007: Phần 1 đưa ra các quy định chi tiết về việc thiết kế và cấu tạo cho loại kết cấu này nhằm tránh các hiện tượng nứt, do Trung tâm bê tông tổ ong (Nga) biên soạn và Hiệp hội các nhà xây dựng Nga công bố nhằm phát triển và ứng dụng cụ thể cho kết cấu sử dụng bê tông tổ ong, phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế kết cấu gạch đá SNIP II-22-81*. Ở Nga, CTO 501-52-01-2007 ra đời dựa trên cơ sở hệ thống tiêu chuẩn liên quan đến bê tông tổ ong đã quá cũ, không phù hợp với những thay đổi về công nghệ sản xuất và thi công hiện nay. Tiêu chuẩn CTO 501-52-

01-2007 ra đời nhằm mục đích hệ thống lại các yêu cầu trong các tiêu chuẩn hiện hành có liên quan của Nga và liên kết chúng thành một bộ tài liệu tiêu chuẩn hoàn chỉnh.

Ngoài ra, công tác thi công và nghiệm thu kết cấu gạch đá hiện nay ở nước ta đang áp dụng tiêu chuẩn TCVN 4085:2011 được chuyển dịch từ tiêu chuẩn của Nga. Vì vậy, để có thể áp dụng gạch được sản xuất từ bê tông tổ ong một cách thuận lợi, việc biên soạn tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu kết cấu gạch bê tông tổ ong là rất cần thiết.

Xuất phát từ thực tế trên, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện Khoa học Công nghệ xây dựng tiến hành biên soạn tiêu chuẩn về “Thiết kế, thi công và nghiệm thu kết cấu khối xây bằng gạch bê tông tổ ong”.

Trên cơ sở các nội dung của tiêu chuẩn Nga CTO 501-52-01-2007, nhóm biên soạn đã tiến hành xây dựng đề cương chi tiết, thu thập các tiêu chuẩn trong và ngoài nước có liên quan đến nội dung của CTO 501-52-01-2007, đồng thời, lựa chọn các nội dung phù hợp, liên quan tới các yêu cầu về tính toán, thiết kế, cấu tạo và các lưu ý khi thi công kết cấu gạch đá sử dụng bê tông tổ ong để biên soạn thành Tiêu chuẩn Việt Nam, đảm bảo phù hợp với Tiêu chuẩn TCVN 5573:2011 và TCVN 5574:2012. Ngoài ra, nhóm biên soạn còn tham khảo thêm các tiêu chuẩn của Việt Nam về gạch bê tông và vữa xây, trát để làm căn cứ biên soạn các nội dung trong Tiêu chuẩn mới này.

Trong quá trình biên soạn, nhóm đề tài đã quán triệt các nguyên tắc về đảm bảo tính đồng bộ trong toàn bộ nội dung của Dự thảo tiêu chuẩn; nội dung chính được lấy trong CTO 501-52-01-2007; bám sát nội dung và quy định của Tiêu chuẩn TCVN 5573:2011 về kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế; tham khảo nội dung của TCVN 5574:2012 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế; tìm hiểu và đối chiếu với các tiêu chuẩn về gạch bê tông khí chưng áp (TCVN

7959:2011), bê tông bọt, bê tông khí không chưng áp (TCVN 9029:2011), gạch đất sét nung (TCVN1451:1998), gạch rỗng đất sét nung (TCVN 1450:2009), đối chiếu với các tiêu chuẩn về vữa: (TCVN 4314:2003 vữa xây dựng - yêu cầu kỹ thuật và TCVN 9028:2011 vữa cho bê tông nhẹ); đối chiếu với quy phạm thi công và nghiệm thu kết cấu gạch đá (TCVN 4085:2011). Trên cơ sở tìm hiểu, xem xét, đối chiếu và bám sát các nội dung của các tiêu chuẩn nêu trên, tiến hành lựa chọn các nội dung của CTO 501-52-01-2007 để giữ lại làm nội dung chính của tiêu chuẩn đang biên soạn, các tiêu chuẩn còn lại dùng để viện dẫn cho các nội dung liên quan.

Nhận xét về các kết quả nghiên cứu của Đề tài, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đánh giá rất cao tầm quan trọng của đề tài, dự thảo Tiêu chuẩn là kết quả cụ thể của Đề tài được biên soạn công phu, chi tiết, dễ hiểu, dễ áp dụng. Tuy nhiên, các thành viên Hội đồng cũng cho rằng, dự thảo tiêu chuẩn này không nên chỉ giới hạn phạm vi áp dụng trong nhà ở và công trình công cộng mà nên áp dụng cho cả công trình công nghiệp, đồng thời kiến nghị cần phân loại rõ hơn về các loại gạch trong báo cáo đề tài. Ngoài ra, nhóm biên soạn cũng nên tính toán lại tiêu chuẩn về độ ẩm của viên gạch khi xây.

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa cho rằng, việc biên soạn Tiêu chuẩn là một việc khó khăn, nhất là trong điều kiện có những khác biệt về vật liệu, mặc dù nhóm biên soạn đã rất nỗ lực, nhưng cũng không tránh khỏi một số thiếu sót. Nhóm biên soạn cần tiếp thu ý kiến của ủy viên phản biện và Hội đồng, đồng thời tiến hành bổ sung, hoàn thiện kết quả nghiên cứu cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Kết quả nghiên cứu của Đề tài đã được nghiệm thu với mức độ hoàn thành đạt loại Khá.

Hoàng Đại Hải

Nghiệm thu đề tài “Soát xét các tiêu chuẩn thí nghiệm đất trong phòng thí nghiệm”

Ngày 04/02/2015, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN của Bộ đã tiến hành nghiệm thu Đề tài “Soát xét các tiêu chuẩn thí nghiệm đất trong phòng thí nghiệm” do Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của ThS. Nguyễn Thanh Thủy - chủ nhiệm đề tài: Hiện nay có 09 tiêu chuẩn liên quan tới thí nghiệm đất của ba lĩnh vực xây dựng, giao thông và thủy lợi. Quá trình ứng dụng các tiêu chuẩn này vào thực tế cho thấy nhiều sự chông chéo không phù hợp. Do đó, Bộ Xây dựng đã giao Viện KHCN Xây dựng chủ trì đề tài, với mục tiêu soát xét, bổ sung cũng như lược bớt một số nội dung của các tiêu chuẩn này, xây dựng một dự thảo tiêu chuẩn mới TCVN ... :2014 “Đất xây dựng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý trong phòng thí nghiệm”. Dựa trên các nguyên tắc, phương pháp biên soạn khoa học, nhóm nghiên cứu đã hoàn thành sản phẩm đề tài của mình. Dự thảo tiêu chuẩn có cấu trúc và hình thức tuân theo các quy định về văn bản tiêu chuẩn của Việt Nam; có nội dung về các phương pháp, quy trình kỹ thuật áp dụng cho từng loại đất phổ biến ở nước ta. Các phương pháp thí nghiệm, quy trình thí nghiệm liên quan tới các đối tượng đất đặc biệt (có thể được sử dụng đặc trưng riêng trong lĩnh vực giao thông hoặc thủy lợi) được đề cập tới trong các phụ lục khuyến cáo sử dụng. Cụ thể đó là các quy định về phương pháp xác định khối lượng thể tích đất, xác định các đặc trưng đầm chặt, các đặc trưng



Toàn cảnh cuộc họp

nén lún một trục không nở hông, giới hạn dẻo và giới hạn chảy, xác định các đặc trưng độ bền chống cát, phân tích thành phần hạt... trong phòng thí nghiệm đối với đất xây dựng.

Đề tài được các ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng đánh giá cao về tính ứng dụng, tính cấp thiết. Ngoài một số ý kiến đề nghị sửa đổi về thuật ngữ, Hội đồng cũng đã thảo luận sâu, cho ý kiến chuyên môn về các phương pháp thí nghiệm và các quy định về thiết bị và nội dung thí nghiệm.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa nhất trí với các đánh giá của Hội đồng, lưu ý nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến, hoàn chỉnh dự thảo trước tháng 4/2015 kèm theo thuyết minh tiêu chuẩn, làm cơ sở để Bộ Xây dựng đề nghị Bộ Khoa học Công nghệ thẩm định và công bố.

Hội đồng nhất trí nghiệm thu đề tài với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

Nghiệm thu Đề tài biên soạn Tiêu chuẩn “Giàn giáo thép ống - yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm”

Ngày 05/02/2014, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm

thu kết quả của Đề tài biên soạn Tiêu chuẩn “Giàn giáo thép ống - yêu cầu kỹ thuật và thử

nghiệm”, mã số TC 72-13 do Công ty Cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng (CONINCO) thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu chủ trì Hội nghị.

Báo cáo về quá trình thực hiện đề tài, TS. Hà Minh - Chủ nhiệm đề tài cho biết, giàn giáo thép ống được sử dụng rất phổ biến ở Việt Nam, đặc biệt là trong thi công nhà cao tầng. Tuy nhiên, cho đến nay, Việt Nam chưa có tài liệu chính thức nào nêu rõ việc áp dụng các tiêu chuẩn về giàn giáo nói chung hay giàn giáo thép nói riêng trong thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, trong đó có những quy định chi tiết về yêu cầu kỹ thuật cũng như phương pháp thí nghiệm, kiểm tra chất lượng đối với loại giàn giáo thép ống. Điều này làm cho công tác thi công cũng như việc sử dụng giàn giáo được thực hiện tùy tiện, gây khó khăn cho việc kiểm tra, giám sát và nghiệm thu chất lượng đối với giàn giáo, dẫn đến tình trạng tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn lao động và chất lượng thi công. Do đó, việc biên soạn tiêu chuẩn “Giàn giáo thép ống - yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm” là cần thiết đối với ngành Xây dựng, nhất là trong giai đoạn hiện nay đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Sản phẩm của Đề tài là dự thảo “Tiêu chuẩn Việt Nam: giàn giáo thép ống - yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm” đã được nhóm nghiên cứu chuyển dịch toàn văn từ Tiêu chuẩn tương ứng của Nhật Bản JIS A 8951:1995, với sự hỗ trợ của một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thép, giàn giáo thép ống của Nhật Bản như Công ty TNHH Nippon Steel & Sumiki Metal Products, Công ty TNHH Mauruichi Steel Tube của Nhật Bản. Dự thảo tiêu chuẩn phân loại rõ giàn giáo tổ hợp thanh, giàn giáo tổ hợp khung, yêu cầu chất lượng vật liệu giàn giáo (thép ống dùng cho giàn giáo tổ hợp thanh, vật liệu, kích thước cho phép đối với các bộ phận của giàn



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu giáo tổ hợp khung và các phụ kiện đi kèm).

Nhận xét về dự thảo Tiêu chuẩn “Giàn giáo thép ống - yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm”, các ủy viên phản biện và các chuyên gia của Hội đồng đều nhất trí về tính cần thiết cũng như phạm vi áp dụng của Tiêu chuẩn đề xuất, đánh giá cao tính hoàn thiện của dự thảo tiêu chuẩn và chất lượng chuyển dịch ngôn ngữ. Bên cạnh đó, các chuyên gia cũng góp ý thêm với nhóm đề tài về việc thay đổi một số thuật ngữ chuyên ngành cho phù hợp với Việt Nam, bố cục lại Tiêu chuẩn theo đúng mẫu quy định của Bộ Khoa học và công nghệ.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng - TS. Nguyễn Trung Hòa đồng tình với các ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng và đề nghị nhóm đề tài tiếp thu. Bên cạnh đó, Chủ tịch Hội đồng cũng yêu cầu nhóm đề tài làm phong phú thêm báo cáo thuyết minh Đề tài, rà soát cẩn thận các số liệu và bản vẽ, bổ sung thêm nội dung ghi nhãn sản phẩm; bổ sung các tiêu chuẩn viện dẫn của Việt Nam mà có nội dung tương thích, nhất là các tiêu chuẩn về thép... để hoàn thiện dự thảo Tiêu chuẩn, sớm trình Bộ để gửi Bộ KHCN làm thủ tục công bố.

Được đánh giá là một dự thảo Tiêu chuẩn có chất lượng tốt, Đề tài “biên soạn tiêu chuẩn giàn giáo thép ống - yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm” đã được Hội đồng nghiệm thu thông qua với mức độ hoàn thiện xếp loại Xuất sắc.

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Ninh Thuận

Ngày 03/02/2015 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Ninh Thuận. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị quốc gia - chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định - đại diện cho các Bộ, ngành Trung ương và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Đại diện cho địa phương có ông Võ Đại - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận và lãnh đạo Thành ủy và UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Trình bày lý do và sự cần thiết lập Đề án, Chủ tịch UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm Trần Minh Nam cho biết: Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là đô thị tỉnh lỵ của tỉnh Ninh Thuận, nằm trong hệ thống đô thị của vùng duyên hải Nam Trung bộ. Thành phố có vị trí địa lý vô cùng thuận lợi - cách Tp. Hồ Chí Minh 350 km về phía Nam, cách Nha Trang 100 km, cách Đà Lạt 110 km về phía Tây và cách Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh 60 km. Vị trí này là điều kiện hình thành tam giác phát triển Đà Lạt - Nha Trang - Phan Rang.

Với bề dày lịch sử hình thành và phát triển từ thế kỷ XVII, trải qua nhiều giai đoạn, Phan Rang - Tháp Chàm đã dần khẳng định vai trò của mình trong sự phát triển kinh tế xã hội của toàn tỉnh, đặc biệt kể từ năm 2005 - sau khi thị xã được công nhận là đô thị loại III, và từ năm 2007 - sau khi được công nhận là thành phố. Hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã được chính quyền các cấp quan tâm đầu tư và xây dựng, diện mạo đô thị ngày càng đổi mới theo hướng hiện đại, đời sống của cư dân đô thị được cải thiện rõ rệt. Căn cứ theo Nghị định số 42/2009/NĐ-



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị, và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP, đến nay thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã hội tụ đủ các yếu tố để được xét công nhận là đô thị loại II trực thuộc tỉnh. Việc công nhận thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Ninh Thuận là sự ghi nhận đối với nỗ lực không ngừng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Ninh Thuận nói chung và toàn thành phố nói riêng trên chặng đường hiện thực hóa Nghị quyết số 06 ngày 08/12/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận về “xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đạt tiêu chuẩn đô thị loại II vào năm 2015, định hướng phát triển đến năm 2020 và những năm tiếp theo”. Đây cũng là tiền đề quan trọng để thành phố tiếp tục kêu gọi đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội tương xứng với vai trò là đô thị hạt nhân của hệ thống đô thị trong vùng duyên hải Nam Trung bộ - một trong những trọng điểm du lịch của miền Trung và của cả nước.

Báo cáo phản biện của Bộ Nội vụ, Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng và báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng

cũng như ý kiến chung của các thành viên Hội đồng đều nhất trí với Đề án. Bên cạnh những chỉ tiêu đạt mức cao (nhất là nhóm chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật), Đề án còn có một số chỉ tiêu ở mức thấp (thu nhập bình quân đầu người, quy mô dân số...), do đó, để khắc phục những mặt chưa đạt, Hội đồng đã thảo luận và kiến nghị một số giải pháp cho địa phương, trong đó có giải pháp phát triển du lịch (khai thác tối đa tiềm năng cảnh quan thiên nhiên của khu du lịch Ninh Chữ - một trong 46 khu du lịch cấp quốc gia; khai thác sản phẩm du lịch, quảng bá cho thương hiệu gốm Bầu Trúc); các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đồng tình với các ý kiến đóng góp của các báo cáo phản biện và các thành

viên Hội đồng, nhất trí công nhận thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đạt tiêu chuẩn đô thị loại II trực thuộc tỉnh Ninh Thuận với số điểm trung bình 82,52 điểm. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị lãnh đạo tỉnh Ninh Thuận và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm lưu ý đến các ý kiến đóng góp của Hội đồng, đặc biệt là ý kiến xây dựng chiến lược về phát triển ngành du lịch dựa trên những tiềm năng sẵn có của địa phương, đồng thời có các kế hoạch đầu tư bám sát quy hoạch, xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm vững vàng trở thành đô thị trung tâm của tỉnh, thực hiện tốt vai trò thúc đẩy kinh tế xã hội của toàn khu vực miền Nam Trung bộ.

Lê Minh

Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị xã Gia Nghĩa là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Đắk Nông

Ngày 09/02/2015 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Gia Nghĩa là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Đắk Nông. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị quốc gia - chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định - đại diện các Bộ, ngành Trung ương và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Đại diện lãnh đạo địa phương dự Hội nghị có ông Nguyễn Đức Luyện - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông và đại diện lãnh đạo các Sở ngành của tỉnh Đắk Nông, thị ủy và UBND thị xã Gia Nghĩa.

Báo cáo tóm tắt nội dung của Đề án, Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa ông Ngô Văn Linh cho biết: Thị xã Gia Nghĩa là thị xã tỉnh lỵ, là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh Đắk Nông. Với vị trí chiến lược là giao điểm của các tuyến Quốc lộ 14 (trục giao thông huyết mạch quan trọng gắn kết các trung tâm kinh tế vùng Nam Tây Nguyên



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

với các vùng lân cận), Quốc lộ 14C (trục gắn kết các khu kinh tế cửa khẩu dọc hành lang biên giới), và Quốc lộ 28 kết nối thị xã với Đà Lạt - một trong những trung tâm du lịch của cả nước, thị xã Gia Nghĩa xứng đáng được coi là hạt nhân có chức năng chuyển tiếp các hoạt động từ vùng Tây Nguyên với các tỉnh Tây Nguyên tới vùng Đông Nam bộ và kết nối với vùng duyên hải Nam Trung bộ - một hướng mở ra cảng biển để trung chuyển hàng hóa khối

lượng lớn. Đặc biệt, nằm trong vùng Tây Nguyên là trung tâm công nghiệp bô-xít của cả nước, khi nhà máy Alumin Nhân Cơ, nhà máy luyện nhôm Đắk Nông và các nhà máy phụ trợ sử dụng nguyên liệu nhôm đi vào hoạt động, Gia Nghĩa được định hướng sẽ trở thành cơ sở hậu cần lớn cho công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản.

Những năm vừa qua, đặc biệt từ khi Gia Nghĩa được công nhận là đô thị loại IV và trở thành thị xã vào năm 2005, được sự quan tâm của Trung ương, cùng với nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương, Gia Nghĩa đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Tốc độ đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, đô thị và dịch vụ tăng nhanh. Hạ tầng đô thị, hạ tầng kỹ thuật phát triển đồng bộ: nhiều công trình y tế, giáo dục được kiên cố hóa và xây mới, tạo những nét khởi sắc cho diện mạo đô thị. Nhiều khu dân cư, khu đô thị được xây dựng như khu dân cư Sùng Đức, Đắk Na, Đắk Nur, khu nhà ở của cán bộ chiến sỹ Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng (phường Nghĩa Phú)... Tăng trưởng kinh tế của thị xã trong 3 năm gần đây ổn định ở mức trên 20%, thu nhập bình quân đầu người 35,19 triệu đồng/người - bằng 0,84 lần bình quân cả nước. Về cơ bản, Gia Nghĩa đã đáp ứng được các tiêu chí của đô thị loại III, căn cứ theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP. Việc nâng loại thị xã Gia Nghĩa thành đô thị loại III hoàn toàn phù hợp với định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung đô thị Gia Nghĩa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt tại Quyết định 1292/QĐ-UBND ngày 14/8/2013), đồng thời là cơ sở để tiến tới thành lập thành phố trong tương lai.

Các báo cáo phản biện của Bộ Nội vụ và Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng), cũng như



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Luyện phát biểu trong Hội nghị

ý kiến của các thành viên Hội đồng đều nhất trí với Đề án. Hội đồng rất quan tâm tới những giải pháp của chính quyền địa phương nhằm khắc phục những chỉ tiêu còn yếu; phát huy các lợi thế về điều kiện tự nhiên (khí hậu ôn hòa; cảnh quan núi và sông hồ đẹp, nên thơ)... để phát triển du lịch - thương mại, tiếp nhận công nghệ mới và chế biến, trao đổi các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân. Bên cạnh đó, địa phương cũng cần có các chính sách bảo vệ môi trường, chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các cụm dân cư tập trung, cụm công nghiệp.

Trong báo cáo thẩm định, đại diện Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) đánh giá cao những kết quả mà Gia Nghĩa đã đạt được trên chặng đường 10 năm phấn đấu, với 26/49 chỉ tiêu đạt tối đa; 20/49 chỉ tiêu đạt (trong đó có 6/49 chỉ tiêu áp dụng quy chế đô thị vùng cao); chỉ có 3/49 chỉ tiêu đạt thấp cần khắc phục (dân số, nhà tang lễ, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch).

Tổng hợp các ý kiến của Hội đồng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh nhất trí công nhận thị xã Gia Nghĩa đạt chuẩn đô thị loại III với số điểm trung bình 85,52. Đánh giá cao những thành tích địa phương đã đạt được, Thứ trưởng nhấn mạnh: với xuất phát điểm rất thấp (huyện Đắk Nông với thị trấn Gia Nghĩa là huyện nghèo nhất của tỉnh Đắk Lắk trước kia), với đặc thù vùng miền và sự đa dạng phong văn hóa,

phong tục tập quán khi trên địa bàn có tới 21 dân tộc cùng chung sống; thì những nỗ lực của chính quyền và nhân dân để Gia Nghĩa phát triển như ngày hôm nay xứng đáng được ghi nhận. Bên cạnh đó, Thứ trưởng cũng lưu ý tỉnh và thị xã cần chuẩn bị cơ sở hạ tầng thật vững chắc, nhanh chóng xây dựng các chương trình phát triển đô thị phù hợp để đón đầu tương lai, khi công nghiệp bô-xít ở Tân Rai, Nhân Cơ thực sự ổn định và phát triển.

Thay mặt chính quyền và nhân dân địa phương, Phó Chủ tịch tỉnh Đắk Nông Nguyễn Đức Luyện trân trọng cảm ơn các ý kiến rất sâu sắc của Hội đồng. Chia sẻ với Hội đồng những băn khoăn của lãnh đạo tỉnh và thị xã về các mặt yếu kém đang tồn tại trên địa bàn, ông cho biết: Gia Nghĩa là thị xã vùng cao, lại nằm trong vùng Tây Nguyên nên tập quán sinh hoạt của

bà con vẫn quen sử dụng nước giếng khoan, xây nhà mồ chứ không sử dụng nhà tang lễ. Do đó, thời gian tới đây, bên cạnh việc tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các công trình cấp thoát nước, chính quyền sẽ quan tâm hơn tới công tác tuyên truyền vận động người dân trên địa bàn dùng nước sạch hợp vệ sinh, giáo dục, tuyên truyền nếp sống mới, văn minh đô thị. Phó Chủ tịch tỉnh Đắk Nông Nguyễn Đức Luyện phấn khởi cho rằng, Gia Nghĩa được công nhận là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Đắk Nông là một sự kiện hết sức có ý nghĩa, khi thị xã đang hướng tới kỷ niệm 10 năm thành lập và 40 năm giải phóng thị xã vào tháng 3/2015.

Lệ Minh

Hội thảo chuyên đề “Luật Thoát nước của Nhật Bản - kinh nghiệm xây dựng và triển khai”

Ngày 30/01/2015 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông & Du lịch Nhật Bản (MLIT) và Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tổ chức Hội thảo chuyên đề “Luật Thoát nước của Nhật Bản - kinh nghiệm xây dựng và triển khai”. Tham dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện chức năng thuộc Bộ Xây dựng, Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, các chuyên gia Văn phòng JICA Việt Nam, các chuyên gia cao cấp của MLIT và đông đảo đại biểu đại diện cho các công ty, doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực liên quan của cả hai nước.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng Kỹ thuật (Bộ Xây dựng) cho biết: Hội thảo này là một bước thực hiện thỏa thuận giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và MLIT Nhật Bản đã được hai Bộ trưởng ký ngày 03/01/2014, trong đó có thỏa thuận về hỗ trợ xây dựng cơ chế chính sách về lĩnh vực thoát nước của Việt Nam. Đây cũng là cơ hội để các cơ quan hữu quan, các chuyên gia hai nước cùng trao đổi về kinh nghiệm xây dựng Luật Thoát nước của Nhật Bản và một số quốc gia khác có Luật tương đương, những khó khăn khi áp dụng vào điều kiện Việt Nam và hướng giải quyết.

Thay mặt Ban tổ chức Hội thảo, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ to lớn của MLIT, JICA và các doanh nghiệp Nhật Bản đã dành cho Việt Nam nói chung, cho ngành Xây dựng Việt Nam nói riêng, đặc biệt trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải.

Bên cạnh các thông tin liên quan tới thể chế, các quy định về mặt pháp luật của cả hai nước về lĩnh vực chuyên ngành (thông qua các bài tham luận giới thiệu Nghị định 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải đô thị tại Việt Nam, so sánh khác biệt cơ bản với Nghị định 88/2007/NĐ-CP;



PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến phát biểu khai mạc Hội thảo

giới thiệu nội dung chính của Luật Thoát nước Nhật Bản, so sánh với Luật Thoát nước và xử lý nước thải của một số nước và so sánh với Nghị định 80 của Việt Nam), các đại biểu tham dự Hội thảo còn cùng thảo luận kinh nghiệm quy hoạch tổng hợp xây dựng hệ thống thoát nước theo lưu vực (tỉnh Shiga và hồ Biwa - Nhật Bản; lưu vực sông Đông Nai - Việt Nam), và một số công nghệ của Nhật Bản như phương pháp phục hồi đường ống.

Thông qua những phân tích, đánh giá và so sánh rất khoa học, các chuyên gia Việt Nam và Nhật Bản đồng quan điểm khi cho rằng: Hai nước có nhiều điều kiện tương đồng như hệ thống hành chính 03 cấp là nhà nước - tỉnh - thành phố, thị xã, huyện; quy mô dân số và quy mô diện tích cả nước. Quy định pháp luật về hạ tầng kỹ thuật đô thị - trong đó có thoát nước và xử lý nước thải gần như nhau. Tuy nhiên, ở Nhật Bản, lĩnh vực này đã được nâng lên thành Luật, và Luật Thoát nước của Nhật có phạm vi bao trùm rộng, bao gồm cả quản lý tài sản công, quy hoạch đô thị và môi trường. Những vấn đề thiết yếu Việt Nam cần quan tâm và nên nghiên cứu bổ sung trong quá trình thực hiện Nghị định 80, tiến tới xây dựng Luật căn cứ vào các quy định của Nghị định 80 là: Các quy định để đảm bảo chất lượng hệ thống thoát nước; xây dựng



Toàn cảnh Hội thảo

hướng dẫn và quy định chi tiết thi hành dựa vào Nghị định 80; xây dựng hệ thống quản lý vận hành thoát nước thích hợp và bền vững dựa trên chế độ thu phí sử dụng dịch vụ từ người dân tại các chính quyền địa phương. Theo ông Wako Takatoshi - Phó Giám đốc Quy hoạch thoát nước (MLIT), Việt Nam cần sớm xây dựng hệ thống quản lý thoát nước tại các đô thị thông qua sự phối hợp của Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh (với các dự án trọng điểm xây dựng nhà máy xử lý nước thải Yên Xá - Hà Nội và Bình Hưng giai đoạn 2 - Tp. Hồ Chí Minh),

Liên quan tới công nghệ phục hồi đường ống, ông Iagaki Mansanobu - Cục Xây dựng Tp. Osaka đã phân tích khá sâu sắc: Tốc độ đô thị hóa luôn tạo một áp lực rất lớn đối với cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị. Nhu cầu phát triển, mở rộng mới mạng lưới đường ống thoát nước cũng như cải tạo các tuyến ống cũ đã xuống cấp ngày càng gia tăng.

Hiện nay, hầu hết công tác lắp đặt mới, sửa chữa và cải tạo các đường ống hạ tầng kỹ thuật đang được thực hiện bằng phương pháp đào hở truyền thống. Việc đào và tái lập mặt đường cũ có mật độ lưu thông cao gây lãng phí không nhỏ, hơn nữa ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đi lại của các phương tiện giao thông, đồng thời làm mất mỹ quan đô thị, ảnh hưởng tới môi trường sống, sinh hoạt hàng ngày của người dân. Hạn chế của phương pháp đào hở là khó thi công lắp đặt hoặc cải tạo các đoạn ống hiện

hữu có độ chôn sâu lớn, điều kiện địa chất yếu, vướng mặt bằng giải toả, cần di dời công trình hạ tầng kỹ thuật khác... Từ đó kéo dài tiến độ thi công, tăng tổng mức đầu tư, thậm chí tạm ngừng hẳn dự án. Do đó, nhiều nước đã áp dụng phương pháp thi công không đào - đào ngầm trong thi công lắp đặt đường ống mới và phương pháp sửa chữa tại chỗ để cải tạo đường ống hạ tầng hiện hữu.

Trong lĩnh vực cải tạo, khôi phục đường ống, có nhiều phương pháp không đào khác nhau như lồng ống (Sliplining), lồng ống mềm (Softlining), lán ống (Relining), nắn ống (Re-rounder), phá ống (Pipe-Cracking), ống thu gọn (Compact Pipe), hàn ống dung dịch lỏng và công nghệ lót ống tại chỗ (CIPP). Mỗi phương pháp thi công đều có những điều kiện áp dụng khác nhau, tùy thuộc vào hình dạng ống (tròn, vòm...), chủng loại ống (bê tông, gang, thép...) và loại đường ống (cấp nước, thoát nước, dẫn dầu,...). Và trong đó, công nghệ lồng ống có thể đáp ứng được các điều kiện áp dụng trên, rất phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Ông I. Mansanobu cũng đã trình bày rất kỹ về các công đoạn của phương pháp này, từ khâu làm sạch lồng ống, tạo ống, làm chắc - chống nổi đến công đoạn phun vật liệu lớp vỏ ngoài ống và hoàn thiện. Ông cho biết: Đây là một biện pháp hữu hiệu nhằm khắc phục đường ống đã lão hóa tại khu vực đô thị, ít gây tác động tới sinh hoạt xã hội, là phương pháp đã được áp dụng hiệu quả tại Osaka và được kỳ vọng trong thời gian tới sẽ được ứng dụng thành công tại Tp. Hồ Chí Minh.

Theo Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến, việc xây dựng Luật Thoát nước là rất cấp thiết đối với Việt Nam. Ở Nhật Bản và nhiều quốc gia trên thế giới đã có Luật Thoát nước; tại Việt Nam mới dừng lại ở mức Nghị định. Do đó, những kinh nghiệm quý báu mà các chuyên gia Nhật Bản chia sẻ trong Hội thảo này sẽ rất hữu ích cho các nhà quản lý ngành thoát nước của Việt Nam. Bên cạnh đó, Nhật Bản rất quan tâm

tới các công nghệ nâng cấp, cải tiến các công trình thoát nước, các thiết bị đã cũ để tiếp tục sử dụng, trong khi Việt Nam đặt mục tiêu xây dựng mới. Chính vì thế, những công nghệ mà phía Nhật Bản giới thiệu trong Hội thảo tuy không phải là mới, song rất phù hợp với điều kiện kinh tế của nước ta, có tính khả thi cao và sẽ là

những giải pháp tích cực đối với Việt Nam trong tương lai không xa, nhằm cải tạo và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, góp phần làm tươi đẹp cho cuộc sống và sự phát triển của các đô thị Việt Nam.

Lệ Minh

Hội nghị tổng kết công tác năm 2014 và kế hoạch hoạt động năm 2015 của kiểm soát viên Bộ Xây dựng

Ngày 29/01/2015, Bộ Xây dựng (BXD) đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2014 và kế hoạch hoạt động năm 2015 của kiểm soát viên BXD. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh chủ trì và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2014 và kế hoạch hoạt động năm 2015 của kiểm soát viên Bộ Xây dựng, đại diện lãnh đạo Vụ Quản lý doanh nghiệp Bộ Xây dựng cho biết, năm 2014 các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo; kinh tế vĩ mô trong nước cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh và năng suất, hiệu quả còn thấp, chất lượng, hiệu quả, năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh của ngành Xây dựng và của một số sản phẩm chủ đạo còn hạn chế; thị trường bất động sản đã có chuyển biến tích cực, nhưng lượng tồn kho còn lớn, việc tiếp cận các nguồn vốn vay phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển còn gặp khó khăn. Tuy nhiên, các Tổng công ty thuộc Bộ Xây dựng đã có nhiều cố gắng vượt qua khó khăn và đã đạt được những kết quả tích cực trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng ở hầu hết các lĩnh vực, duy trì ổn định doanh thu và tăng trưởng lợi nhuận. Một số đơn vị đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 và cao hơn so với mức thực hiện năm 2013.



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu chỉ đạo Hội nghị

Kiểm soát viên các Tổng công ty thuộc Bộ ngoài nhiệm vụ chính được giao đã chủ động phối hợp với Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc tiến hành rà soát nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, phân tích, đánh giá thực trạng của đơn vị để cùng tìm ra giải pháp tháo gỡ khó khăn, đồng thời cũng tham gia vào nhiều công việc quan trọng như giám sát việc thực hiện tái cơ cấu, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia công tác cổ phần hóa. Trong năm 2014, Bộ Xây dựng đã hoàn thành cổ phần hóa 04 Tổng công ty: VIGLACERA, Xây dựng Hà Nội, VIWASEEN và Bạch Đằng, nên từ quý 3/2014 kiểm soát viên các Tổng công ty này đã chuyển sang nhiệm vụ khác, trong đó có một số kiểm soát viên đã được Bộ Xây dựng giới thiệu và trúng cử vào Ban kiểm soát của các Tổng công ty cổ phần, đồng thời, Bộ cũng đã tiến hành bổ nhiệm và bổ nhiệm lại một số kiểm soát viên tại các Tổng Công ty như Sông Đà, HUD, Vicem, Coma,

Fico. Hiện nay, số lượng kiểm soát viên tại 10 Doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ là 28 người, đảm bảo số lượng theo đúng quy định.

Theo kế hoạch năm 2015, Bộ Xây dựng sẽ có 11/16 Công ty mẹ Tổng công ty cổ phần hóa gồm: DIC, Sông Hồng, Bạch Đằng, VIGLACERA, HANCORP, VIWASEEN, LILAMA, LICOGI, COMA, CC1, FICO. Dự kiến hết năm 2015 chỉ còn kiểm soát viên của 5 Tổng công ty Sông Đà, HUD, VICEM, VNCC, IDICO thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của năm 2015.

Trên cơ sở nhiệm vụ trọng tâm của các Tổng công ty đã xây dựng, các kiểm soát viên cần phối hợp, tham gia, đôn đốc và giám sát công tác cổ phần hóa các Tổng công ty, Công ty con về kế hoạch, tiến độ và quá trình thực hiện từ khi xử lý tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp đến khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Đặc biệt cần giám sát việc xử lý tài chính và thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, có những ý kiến đóng góp thiết thực với Tổng công ty và Bộ trong quá trình xử lý và thẩm định để công bố giá trị doanh nghiệp, đồng thời, tiến hành phân tích, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty thành viên trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015. Trong đó cần làm rõ thực trạng tài chính và kết quả hoạt động của từng doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty, lưu ý đến các đơn vị kinh doanh khó khăn, thua lỗ làm mất vốn. Trên cơ sở đó lập báo cáo thực trạng tài chính tại các thời điểm để cảnh báo phòng ngừa rủi ro có thể xảy ra. Kiến nghị, đề xuất Bộ về phương thức quản lý hiệu quả, tránh rủi ro. Ngoài ra, các kiểm soát viên cũng cần thực hiện các công việc do chủ sở hữu yêu cầu, tham gia các đoàn công tác Bộ, Tổng công ty giám sát theo chuyên đề khi có yêu cầu.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực và những thành tích đạt được của các kiểm soát viên trong thời gian qua, góp



Toàn cảnh Hội nghị

phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý, quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Về cơ bản, năm 2014, các kiểm soát viên đã hoàn thành được phần lớn các nhiệm vụ được giao. Với tinh thần trách nhiệm cao, kiểm soát viên với các Tổng công ty đã góp phần làm giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn và làm tăng hiệu quả trong công tác đầu tư, sản xuất kinh doanh và tái cơ cấu doanh nghiệp.

Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cũng yêu cầu, trên cơ sở nhiệm vụ được giao, căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg và quy chế kiểm soát viên đã được Bộ phê duyệt, các kiểm soát viên cần tích cực hơn nữa trong việc phối hợp, tham gia, đôn đốc và giám sát công tác cổ phần hóa các Tổng công ty, Công ty con; giám sát các Tổng công ty tổ chức thực hiện Đề án tái cơ cấu sau khi đã được phê duyệt, trọng tâm là việc thoái vốn tại các khoản đầu tư tài chính; xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, bất thường tại các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty, kịp thời báo cáo Bộ và đề xuất các kiến nghị xử lý, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; phối hợp với các Vụ chức năng thuộc Bộ thực hiện việc giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả, công khai tài chính các Tổng công ty.

Hoàng Đại Hải

Hội nghị bàn tròn với các nhà tài trợ về tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu lĩnh vực xây dựng

Ngày 02/02/2015 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) tổ chức Hội nghị bàn tròn với các nhà tài trợ về tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu (BĐKH) lĩnh vực xây dựng. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đến dự và phát biểu khai mạc Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện các Bộ, ngành Trung ương của Việt Nam và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành; các chuyên gia của ADB và các tổ chức quốc tế: Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam, Đại Sứ quán Đan Mạch, Cơ quan hợp tác phát triển Hoa Kỳ (USAID), Cơ quan hợp tác phát triển Đức (GIZ), Chương trình định cư con người của Liên Hợp quốc (UN-Habitat).

Trong bài phát biểu khai mạc Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh nhấn mạnh: "... Đối với một quốc gia đang phát triển, có tốc độ đô thị hóa nhanh như Việt Nam, thì tăng trưởng xanh và BĐKH là một trong những vấn đề cần quan tâm hàng đầu; đặc biệt trong bối cảnh nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm nặng nề và ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu gia tăng.."

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng cho biết, năm 2012, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011 - 2030, tầm nhìn đến 2050 để làm cơ sở cho việc xây dựng các chương trình hành động cụ thể của các Bộ, ngành. Tiếp đó, tháng 3/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020 bao gồm 66 hành động chính sách cho các Bộ, ngành TW và địa phương thực hiện, trong đó Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện 05 hoạt động và tham gia nhiều hoạt động khác. Tích cực hưởng ứng các chủ trương của Chính phủ, ngay trong năm 2014, Bộ trưởng Bộ



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu khai mạc Hội nghị

Xây dựng đã ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng giai đoạn 2014 - 2020, với mục tiêu tăng cường khả năng ứng phó của ngành Xây dựng đối với thiên tai, biến đổi khí hậu; sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm nhẹ biến đổi khí hậu; phát triển ngành Xây dựng theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững.

Hội nghị bàn tròn do Bộ Xây dựng và ADB phối hợp tổ chức chính là dịp trao đổi mở về thực tiễn, kế hoạch và định hướng của ngành Xây dựng về tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu, từ đó tạo ra sự đồng thuận trong quan điểm, nhận thức giữa các bên về hướng phát triển, các giải pháp chính sách, giải pháp công nghệ. Trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau, các đối tác có thể thẳng thắn chia sẻ những khả năng ưu tiên hợp tác dành cho Việt Nam nói chung và Bộ Xây dựng nói riêng trong các lĩnh vực mà Bộ có chức năng quản lý nhà nước.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh bày tỏ hy vọng Hội nghị này sẽ là sự khởi đầu tích cực cho một giai đoạn hợp tác mới giữa Bộ Xây dựng và các nhà tài trợ, các đối tác phát triển quốc tế hướng tới các mục tiêu chung là bảo vệ trái đất và phục vụ người dân một cách bền vững.

Trình bày tham luận mở đầu Hội nghị, Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế Bộ Xây dựng Phạm

Khánh Toàn đã giới thiệu tổng quát về chức năng nhiệm vụ của Bộ Xây dựng, theo đó, phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng gồm nhiều lĩnh vực: Kiến trúc - quy hoạch; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; phát triển hạ tầng kỹ thuật; sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển nhà ở và thị trường bất động sản. Các lĩnh vực này một mặt tạo lập nên cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, tạo ra môi trường sống, làm việc, sinh hoạt và vui chơi giải trí cho người dân, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, phát triển con người. Tuy nhiên, hoạt động xây dựng cũng là một trong những căn nguyên khiến nguồn tài nguyên khoáng sản dần bị khai thác cạn kiệt, gây hiện tượng phát thải khí nhà kính, ảnh hưởng không tốt đến môi trường sống. Để giải quyết các vấn đề nêu trên, cần có các giải pháp ngắn hạn cũng như dài hạn nhằm giảm thiểu các yếu tố gây tổn hại đến môi trường, đồng thời ứng phó thích hợp với các điều kiện thay đổi của môi trường thiên nhiên, bảo đảm cuộc sống ổn định của người dân và góp phần phát triển ổn định kinh tế - xã hội của đất nước.

05 hoạt động của Bộ Xây dựng về tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu là lồng ghép ứng phó BĐKH vào công tác lập quy hoạch, song song với việc phát triển đô thị xanh, đô thị sinh thái; tăng cường năng lực cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật ứng phó BĐKH; sản xuất VLXD thân thiện môi trường; tiết kiệm năng lượng trong tòa nhà/ công trình; kiên cố hóa nhà ở ứng phó với thiên tai. Trong từng hoạt động, Bộ Xây dựng đã bước đầu đề ra những cơ chế chính sách cụ thể, triển khai các dự án một cách có hiệu quả, với sự hỗ trợ to lớn của UNDP (dự án hỗ trợ sản xuất gạch không nung; dự án tiết kiệm năng lượng trong các công trình thương mại và chung cư cao tầng; chiếu sáng công cộng); của ADB (Chương trình đô thị và nước ứng phó với BĐKH); của USAID (dự án Năng lượng sạch Việt Nam)...

Tại Hội nghị, các bên tham dự đã cùng chia sẻ các kinh nghiệm về sử dụng năng lượng hiệu



Đại diện các nhà tài trợ - ông Hubert Jenny (ADB) phát biểu tại Hội nghị

quả trong công trình (kinh nghiệm của Đan Mạch, Hàn Quốc), về các dự án hỗ trợ kỹ thuật, dự án đầu tư của ADB, USAID, GIZ, WB... cho tăng trưởng xanh và BĐKH của ngành Xây dựng. Theo đánh giá chung, các chương trình, dự án bước đầu đã được triển khai tốt, có hiệu quả như: Chương trình đầu tư ngành nước giai đoạn 2011 - 2020 của ADB hiện đã và đang được triển khai tại Tp. Hồ Chí Minh (2011), Bình Dương, Buôn Mê Thuột, Đà Nẵng, Huế, Quảng Trị, Hải Phòng (2012), Bắc Giang, Cửa Lò, Nghi Sơn, Quảng Nam, Vinh, Thái Nguyên (2014); dự án Năng lượng sạch của USAID giai đoạn 2012 - 2017 (trong đó USAID phối hợp với Bộ Xây dựng tăng cường năng lực sử dụng năng lượng tiết kiệm trong các công trình ở, bên cạnh đó thúc đẩy việc áp dụng Bộ quy chuẩn “Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả” và các công nghệ xây dựng xanh)...

Đại diện cho các nhà tài trợ - ông Hubert Jenny (ADB) cho rằng: Vấn đề tăng trưởng xanh và ứng phó với BĐKH đang được các chính phủ, tổ chức quốc tế và người dân thế giới quan tâm theo dõi sát sao. Theo dự báo, Việt Nam thuộc về số ít các quốc gia trên thế giới có nguy cơ chịu tổn hại nặng nề bởi biến đổi khí hậu, đặc biệt khu vực Đồng bằng sông Cửu Long dễ bị tổn thương trước hiện tượng nước biển dâng. Với mức phát thải gây hiệu ứng nhà kính như hiện nay, nếu không có các biện pháp tích cực, dự báo đến cuối thế kỷ này nước biển

sẽ dâng lên 98 cm. Lúc đó, hơn 20% diện tích Tp. Hồ Chí Minh sẽ bị ngập lụt, 10 -12% dân số Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp và cả nước sẽ thiệt hại khoảng 10% GDP. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng - với vai trò cơ quan quản lý nhà nước ngành Xây dựng - rất lớn. Các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển luôn coi trọng sự hợp tác với Bộ Xây dựng trong vấn đề xây dựng xanh; khắc phục bão lũ, thiên tai cũng như các ảnh hưởng của BĐKH trong ngành Xây dựng vì mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

Thay mặt Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh trân trọng cảm ơn sự đồng hành quý giá của các nhà tài trợ trên lộ trình hoàn thiện, xây dựng và thực thi các chính sách về tăng trưởng xanh và ứng phó với BĐKH của Bộ Xây dựng, đồng thời cho biết: trong thời gian tới đây, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các đối tác phát triển, các nhà tài trợ; đồng thời nghiên cứu sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA, nâng cao hơn nữa vai trò quản lý ngành đối với tăng trưởng xanh và BĐKH.

Lệ Minh

Hội nghị triển khai công tác năm 2015 của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị

Ngày 03/02/2015, tại Hà Nội, Tổng Công ty đầu tư Phát triển nhà và đô thị (HUD) đã tổ chức Hội nghị triển khai công tác năm 2015. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị.

Theo Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2014 và triển khai nhiệm vụ năm 2015 của Tổng công ty HUD, năm 2014, bên cạnh việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty còn phải thực hiện một khối lượng công việc lớn để thực hiện Đề án tái cơ cấu và chuẩn bị cho chương trình cổ phần hoá, Tổng công ty HUD đã hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, nhiều chỉ tiêu sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch đề ra.

Tổng công ty HUD đã áp dụng nhiều giải pháp, nỗ lực trong việc thực hiện kế hoạch đề ra, rà soát để dừng, tạm dừng, hoãn, giãn, điều chỉnh phân kỳ đầu tư cho các dự án chưa khả thi, xác định các dự án trọng điểm, các dự án ưu tiên để cân đối vốn, tập trung nguồn lực thực hiện, đảm bảo tiến độ bàn giao cho khách hàng. Chương trình phát triển nhà ở xã hội của Tổng công ty HUD được triển khai tích cực tại Dự án Tây Nam Linh Đàm, tại thành phố Thái Bình, đồng thời, khởi động tạo tiền đề cần thiết



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị

cho việc triển khai một số dự án khác trong thời gian tới. Công tác cổ phần hoá đã triển khai được một số nội dung bước đầu; Đề án tái cơ cấu tiếp tục được triển khai có kết quả; trong quản trị doanh nghiệp, điều lệ chính thức được ban hành cùng với các quy chế quản trị nội bộ đã góp phần tăng cường hiệu quả quản trị và công tác giám sát, quản trị rủi ro của Công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Trong năm 2015, HUD sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực, khắc phục các tồn tại để triển khai và hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 theo các mục tiêu đã đề ra, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại Tổng công ty; Xây dựng mục tiêu, chiến lược phát triển cho

giai đoạn 2016 - 2020, trong đó sẽ đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư, phát triển các dự án mới, chuẩn bị các tiền đề cần thiết để xây dựng trình phê duyệt và triển khai các dự án mới, chuẩn bị tiền đề cần thiết để xây dựng trình phê duyệt và triển khai kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 với mục tiêu và dự án cụ thể, khả thi; tập trung triển khai công tác cổ phần hoá Công ty mẹ Tổng công ty và công ty HUDS theo đúng kế hoạch được BXD phê duyệt; Tiếp tục triển khai Đề án tái cơ cấu Tổng công ty theo đúng quy định, đúng lộ trình đã được phê duyệt, tập trung vào việc thoái vốn của Tổng công ty HUD tại các đơn vị đã được BXD phê duyệt; xây dựng Đề án tái cơ cấu điều chỉnh, trong đó cần đề xuất điều chỉnh tỷ lệ cổ phần của Tổng công ty nắm tại các công ty thành viên theo đúng tiêu chí quy định tại Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ; hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng các dự án nhà ở xã hội tại Tây Nam Linh Đàm, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam thành phố Thanh Hoá (Thanh Hoá), nhà thu nhập thấp Phú Sơn - Thanh Hoá; triển khai công tác hoàn thiện thủ tục đầu tư và đầu tư tại các dự án nhà ở xã hội tại Nam Linh Đàm, Kiến Hưng, Nam An Khánh, Giang Biên, Thanh Lâm Đại Thịnh II, Nha Trang, Khánh Hoà, Hiệp Phú, Quận 9 - TP. HCM; Tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện toàn bộ các cơ sở pháp lý cần thiết để tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Với những thành tích đạt được trong năm 2014, Tổng công ty HUD đã có 02 cán bộ được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì và 7 cán bộ được nhận Huân chương Lao động hạng Ba; 01 tập thể và 13 cá nhân được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 4 tập thể được nhận cờ thi đua của Bộ Xây dựng.



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng trao Cờ thi đua của Bộ Xây dựng cho TCty HUD

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã chúc mừng và đánh giá cao những thành tích mà Tổng công ty HUD đã đạt được trong những năm vừa qua và đặc biệt là trong năm 2014.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, lượng giao dịch bất động sản trong năm 2014 đã tăng lên so với năm 2013, qua đó có thể thấy việc kiên trì các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản đã mang lại hiệu quả tích cực. Những kết quả đạt được trong năm 2014 của Tổng công ty HUD là đáng khích lệ, là nền tảng để Tổng công ty phát triển trong năm 2015 và những năm tiếp theo.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng yêu cầu lãnh đạo Tổng công ty HUD phải bám sát các định hướng và nhiệm vụ trọng tâm của Bộ Xây dựng trong việc xây dựng kế hoạch công tác năm 2015, tham gia tích cực vào các chương trình phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội, tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cao. Bên cạnh đó, Tổng công ty cần xây dựng chiến lược phát triển và tập trung tái cơ cấu, xác định lĩnh vực chủ lực để đầu tư, bố trí nhân lực hợp lý, khoa học, hoàn thành mục tiêu cổ phần hóa doanh nghiệp. Lựa chọn các sản phẩm đầu tư, vị trí, tìm những dự án mới, làm sao để HUD trở thành doanh nghiệp hàng đầu về phát triển đô thị và nhà ở.

Bích Ngọc

Hội nghị thẩm định Đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 06/02/2015 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn; đại diện đơn vị tư vấn trong nước - Viện Quy hoạch Đô thị & Nông thôn quốc gia (VIUP); đại diện các tổ chức tư vấn và phản biện trong nước và quốc tế. Hội nghị có sự tham gia của đông đủ các thành viên Hội đồng thẩm định gồm đại diện các Bộ, ngành TW, Văn phòng Chính phủ; UBND thành phố Hà Nội và 09 địa phương trong Vùng Thủ đô.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, Thủ đô Hà Nội hiện đang phát triển với quy mô lớn. Sự liên kết giữa Hà Nội với các không gian lân cận, các tỉnh trong vùng là hết sức cần thiết, tạo những động lực hai chiều trong quá trình tương hỗ phát triển giữa Thủ đô và các đô thị, các khu kinh tế, khu công nghiệp trong một vùng lãnh thổ lớn. Thực hiện Quyết định số 490/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng Vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2020 tầm nhìn đến 2050, nhiều thành tựu đã được ghi nhận trong việc quản lý xây dựng hệ thống hạ tầng liên kết giữa các địa phương trong Vùng. Tuy nhiên, trải qua nhiều biến động - đặc biệt là việc điều chỉnh địa giới, mở rộng phạm vi của Thủ đô năm 2008 - rất cần có sự đổi mới trong tư duy quy hoạch cho phù hợp với xu thế hội nhập, đồng thời phù hợp hơn với điều kiện thực tế của Việt Nam. Để đáp ứng tiến trình phát triển chung, Chính phủ đã giao Bộ Xây dựng là cơ quan đầu mối tổ chức lập Đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng thủ đô Hà Nội. Đây là một



Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu khai mạc Hội nghị

Đồ án khó bởi phạm vi điều chỉnh quy hoạch rộng lớn, gồm Hà Nội và 09 tỉnh lân cận, là khu vực đa dạng về địa hình, đậm đà bản sắc văn hóa vùng Bắc bộ, trình độ phát triển giữa các địa phương không đồng đều... Do đó, việc điều chỉnh quy hoạch Vùng cần thống nhất những định hướng lớn và trọng tâm phát triển cho Vùng, cấu trúc không gian linh hoạt và hiện đại.

Trên tinh thần đó, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng mong muốn, thông qua Hội nghị thẩm định, các chuyên gia, các thành viên Hội đồng sẽ cùng tập trung thảo luận, thống nhất ý kiến, quan điểm về Đồ án. Bộ Xây dựng sẽ có trách nhiệm tập hợp các ý kiến đóng góp, chỉ đạo tư vấn nghiên cứu và hoàn chỉnh Đồ án trên cơ sở các ý kiến này, sớm trình Chính phủ phê duyệt để Đồ án có thể được triển khai thực hiện trong thời gian tới.

Báo cáo tóm tắt Đồ án, Viện trưởng VIUP Ngô Trung Hải cho biết: Theo Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 20/11/2012, VIUP đã phối hợp với đơn vị tư vấn nước ngoài IAU - IdF (Viện Quy hoạch phát triển đô thị vùng Ile



Đại diện tư vấn nước ngoài trình bày tại Hội nghị de France - Pháp) đã hoàn thành Đồ án điều chỉnh quy hoạch, phạm vi nghiên cứu gồm Thủ đô Hà Nội và 9 tỉnh, gồm: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang (mở rộng thêm 3 tỉnh là Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang so với Quyết định 490/2008/QĐ-TTg ngày 5/5/2008 - tức là tăng tổng diện tích toàn Vùng lên 2.431.470 ha với dân số tính tới cuối 2012 xấp xỉ 17,5 triệu).

Đồ án xác định rõ tầm nhìn “Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2050 sẽ là vùng kinh tế tổng hợp lớn của quốc gia và khu vực châu Á - Thái Bình dương”. Hướng tới các mục tiêu phát triển Thủ đô Hà Nội và các tỉnh xung quanh trên cơ sở phân công hợp tác, chia sẻ và liên kết về các động lực, cơ hội phát triển, mối quan hệ cung cầu, trách nhiệm giải quyết khó khăn và thách thức theo hướng hài hòa và bền vững; tạo tiền đề cho việc lập và điều chỉnh các quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung các đô thị, quy hoạch nông thôn mới và quy hoạch ngành; các đơn vị tư vấn đã nghiên cứu đầy đủ những nội dung cần điều chỉnh. Về đánh giá thực hiện quy hoạch Vùng Thủ đô theo Quyết định 490, các đơn vị tư vấn đã tổng hợp, phân tích và đánh giá công tác quy hoạch xây dựng tại các tỉnh, thành phố trong Vùng liên quan tới quy hoạch xây dựng Thủ đô đã được phê duyệt; đánh giá thực trạng sử dụng đất theo quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô cũng như các quy hoạch xây dựng được phê duyệt có liên quan tại các



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn phát biểu kết luận tỉnh, thành phố trong Vùng; đánh giá công tác quy hoạch các vùng công nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, vùng công nghiệp trọng điểm (đặc biệt tại các địa phương Bắc Ninh, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên). Trên cơ sở các đánh giá hiện trạng, tư vấn đã đưa ra những dự báo phát triển về tăng trưởng kinh tế, về quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đất đai, lao động...

Về điều chỉnh định hướng quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, các tư vấn đã đề xuất mô hình liên kết phát triển giữa các đô thị trong cấu trúc quy hoạch Vùng theo 05 trục không gian Hà Nội - Phủ Lý, Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Bắc Giang, Hà Nội - Thái Nguyên, trục hành lang cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hạ Long; đề xuất điều chỉnh quy hoạch các khu vực phát triển kinh tế (công nghiệp - dịch vụ tập trung trên trục kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; trục công nghiệp dịch vụ đường 18; trục giao thông kinh tế Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn...). Trong Đồ án, tư vấn cũng đề xuất định hướng liên kết mạng lưới cấp vùng, tỉnh; xem xét vị thế, chức năng của từng đô thị lớn - đô thị đối trọng trong vùng mở rộng như Hải Dương, Việt Trì, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên...; bổ sung các đô thị chuyên ngành gắn với các trung tâm đào tạo, công nghệ cao (Hòa Lạc, Yên Bình), công nghiệp (Phố Nối, Đồng Văn...), du lịch (Sơn Tây, Thanh Thủy, Sao Đỏ - Chí Linh, Tam Đảo, Lương Sơn, Quan Sơn, Hồ Núi

Cốc...), dịch vụ thương mại và phát triển nhà ở (Mê Linh, Từ Sơn, Văn Giang...). Đồ án thể hiện rõ ý tưởng về định hướng bảo tồn các đặc trưng địa lý, văn hóa - lịch sử kết hợp không gian du lịch Vùng; đã đánh giá được hệ thống các giá trị di sản cấp Quốc gia cũng như các di sản đã được UNESCO công nhận; đồng thời đề xuất được các giải pháp bảo tồn, tôn tạo các giá trị đặc trưng tại các dự án trọng điểm: Ba Vì - Hương Sơn - Tam Chúc, Hồ Khuôn Thần - Cẩm Sơn, Tam Đảo - Tây Thiên...

Đồ án cũng đưa ra các đề xuất về mạng giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, mô hình quản lý vùng kết hợp tham khảo kinh nghiệm quốc tế của Vùng Ile de France (Pháp), Ranstad (Vùng thủ đô Amsterdam - Hà Lan)...

Tại Hội nghị, đại diện tư vấn nước ngoài IAU - IdF trình bày các ý tưởng định hướng phát triển không gian Vùng Thủ đô Hà Nội và một số nhiệm vụ cụ thể khác mà tư vấn đã thực hiện - đó là phối hợp cùng VIUP nghiên cứu đề xuất các định hướng quy hoạch giao thông Vùng; rà soát và góp ý một số nội dung liên quan đảm bảo phù hợp với dự báo phát triển và định hướng quy hoạch giao thông Vùng. Bên cạnh đó, các chuyên gia IAU - IdF còn mở rộng, chú trọng các vấn đề về phát triển kinh tế, phát triển xã hội và vấn đề môi trường.

Nhận xét về Đồ án, các thành viên Hội đồng đều đánh giá cao nỗ lực của các bên tư vấn - đặc biệt của VIUP với vai trò Viện đầu ngành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc - để hoàn thành tốt một Đồ án có ý nghĩa quan trọng không những với sự phát triển kinh tế xã hội của Vùng Thủ đô mà còn của cả nước. Bên cạnh

các đề xuất, các kiến nghị trong các cuộc họp tham vấn trước đây, 04 báo cáo phản biện và các ý kiến của Hội đồng hôm nay tập trung vào một số vấn đề nữa. Theo Bộ Văn hóa - Thể thao & Du lịch, tư vấn cần nhận diện rõ phong văn hóa của 09 địa phương và Thủ đô Hà Nội, từ đó nêu bật nét đặc trưng, cũng như có những chính sách phát triển văn hóa - du lịch phù hợp với một địa bàn tập trung các nét văn hóa đặc sắc trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc: Phố Hiến (Hưng Yên), đền Hùng (Phú Thọ), An toàn khu (Định Hóa - Thái Nguyên), các bản Mường (Hòa Bình), các làng nghề truyền thống... Ngoài ra, tư vấn cần sử dụng hiệu quả trục giao thông Nhật Tân - Nội Bài, làm nổi bật hình ảnh một thành phố mới, hiện đại. Lãnh đạo UBND thành phố Hà Nội, tỉnh Vĩnh Phúc và một số địa phương khác đều chung quan điểm: Tư vấn cần nghiên cứu làm rõ sự chia sẻ trách nhiệm giữa Hà Nội và các địa phương trong Vùng nhằm giảm bớt khó khăn, tăng thêm thuận lợi cho mỗi chủ thể khi nằm trong mối liên kết Vùng. Đồng thời, cần bám sát các quy hoạch của từng vùng tỉnh, chú trọng nguồn lực đầu tư để tăng tính khả thi cho Đồ án.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đề nghị các bên tư vấn phối hợp chặt chẽ, nghiên cứu chỉnh sửa Đồ án theo các ý kiến của Hội đồng; hoàn chỉnh dự thảo tờ trình và dự thảo Quyết định, làm cơ sở để Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ trong đầu quý II/2015.

Lệ Minh

Viện Kiến trúc quốc gia kỷ niệm 35 năm hình thành và phát triển

Ngày 06/02/2015 tại Hà Nội, Viện Kiến trúc quốc gia đã long trọng tổ chức Lễ Kỷ niệm 35 năm hình thành và phát triển, đồng thời tổng kết công tác năm 2014. Ủy viên Trung ương Đảng,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đến dự và phát biểu tại buổi Lễ.

Đến dự và chia vui với cán bộ, viên chức các thời kỳ của Viện Kiến trúc quốc gia có nhà sử



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ

học Dương Trung Quốc, ông Nguyễn Mạnh Kiểm, ông Nguyễn Hồng Quân - Nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng và đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Đảng ủy, Văn phòng của Bộ Xây dựng.

Thay mặt lãnh đạo Viện Kiến trúc quốc gia, Viện trưởng Đỗ Thanh Tùng đã đọc diễn văn kỷ niệm. Theo đó, trong 35 năm qua, Viện Kiến trúc quốc gia đã không ngừng nỗ lực và phấn đấu, đã thực hiện hơn 10 đề tài cấp nhà nước, hơn 40 đề tài cấp Bộ, khoảng 20 dự án điều tra về lĩnh vực kiến trúc - quy hoạch; đề xuất các chính sách phát triển kiến trúc đô thị và nông thôn; Nghiên cứu và biên soạn gần 400 tiêu chuẩn trong các lĩnh vực xây dựng; khảo sát, quy hoạch, kiến trúc, kết cấu, hệ thống kỹ thuật môi trường, thi công, nghiệm thu, đề xuất cấu trúc bộ tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và lập quy hoạch nghiên cứu đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam đến năm 2010. Từ năm 1996 đến nay, có gần 600 bộ thiết kế điển hình đã được ban hành; hợp tác với nhiều tổ chức khoa học của các nước trong nhiều lĩnh vực; đã xuất bản nhiều đầu sách được đánh giá cao, nhiều ấn phẩm đã được giải kiến trúc Quốc gia; Viện đã đạt được nhiều giải cao về những sáng tác kiến trúc, đã được nhận Bằng khen của Chính phủ, nhận cờ luân lưu, Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba.

Trong năm 2014, Viện Kiến trúc quốc gia đã và đang thực hiện 17 đề tài chuyển tiếp và 03 đề tài mới, thực hiện 24 nhiệm vụ thuộc 7 dự



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tặng Bằng chứng nhận “Đơn vị tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của CNVC ngành Xây dựng năm 2014” cho Viện Kiến trúc Quốc gia

án sự nghiệp kinh tế chuyển tiếp từ năm 2009 - 2013 còn tồn đọng và được Bộ Xây dựng giao 4 nhiệm vụ mới; thực hiện công tác thẩm tra thiết kế thi công và tổng dự toán cho các dự án công trình di tích; Đã soạn thảo và ban hành Quy trình quản lý khoa học kỹ thuật để thực hiện kiểm soát, quản lý chất lượng, tiến độ các đề tài, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả các công tác nghiên cứu khoa học và dịch vụ của Viện; tổ chức xây dựng thực nghiệm, thi công phục chế, sửa chữa, trùng tu, bảo tồn công trình di tích, các công trình văn hóa, mỹ thuật...

Mục tiêu và nhiệm vụ của Viện Kiến trúc quốc gia đề ra trong năm 2015 là tiếp tục nghiên cứu các phương pháp tiếp cận mới, xây dựng phương hướng và lộ trình để từng bước giúp Bộ nhằm phát triển và quản lý bộ mặt kiến trúc cảnh quan Việt Nam, bảo tồn được bản sắc kiến trúc nông thôn truyền thống cho các vùng miền và bản sắc kiến trúc riêng cho các đô thị trong cả nước; đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu văn bản quy phạm pháp luật và nghiên cứu KHCN, nghiên cứu điển hình tiêu chuẩn hóa xây dựng thông qua các đề tài dự án đăng ký với Bộ Xây dựng và cơ quan các địa phương; tạo môi trường làm việc tối ưu cho cán bộ, viên chức trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật và quy chế tổ chức, phát huy tối đa năng lực từng cá nhân, các chuyên gia và các tổ chức

hợp tác với Viện; tăng cường và mở rộng hợp tác hơn nữa nhằm tận dụng kinh nghiệm và trí tuệ với tổ chức trong nước và quốc tế; mở rộng thị trường, khai thác được nhiều hợp đồng tư vấn thiết kế với các chủ đầu tư tại các địa phương. Tăng sản lượng hợp đồng kinh tế cho các dự án, đồ án kiến trúc xây dựng ký mới năm 2015 với Viện cao hơn năm 2014.

Phát biểu tại buổi Lễ, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã gửi lời chúc tốt đẹp và đánh giá cao những thành tựu của Viện đạt được trong thời gian qua. Trong 35 năm xây dựng và phát triển, trải qua không ít những khó khăn và thách thức, nhưng với sự nỗ lực và cố gắng, Viện đã vượt qua khó khăn, có nhiều đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển của ngành Xây dựng nói riêng và của đất nước nói chung. Với trách nhiệm là viện nghiên cứu hàng đầu về kiến trúc, đội ngũ cán bộ qua các thế hệ của Viện luôn quan tâm tới nghiên cứu, luôn muốn giữ gìn và làm phong phú hơn bản sắc kiến trúc của Việt Nam, góp phần vào công tác quản lý nhà nước của Bộ và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào các công trình xây dựng.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng mong muốn những nhà nghiên cứu kiến trúc tiếp tục có



Toàn cảnh buổi Lễ

những đóng góp để giữ gìn bản sắc kiến trúc Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, giữ bản sắc từ trong tổng thể quy hoạch, từ đó tạo ra định hướng chính cho từng khu vực và giữ gìn bản sắc của từng vùng miền, không chỉ góp phần nâng cao đời sống của người dân, mà còn tôn tạo cảnh quan, trở thành giá trị phục vụ cho phát triển kinh tế du lịch; Viện Kiến trúc quốc gia sẽ tiếp tục giúp cho Bộ Xây dựng trong việc nghiên cứu tiêu chuẩn hóa, điều chỉnh hóa, từ đó nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng các công trình; tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế để có thể ứng dụng tiến bộ khoa học của thế giới vào Việt Nam.

Bích ngọc

Hội nghị tổng kết công tác năm 2014 và phương hướng hoạt động năm 2015 Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025

Ngày 09/02/2015 tại Trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng - cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025 đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015 của Chương trình. Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật, PGS.TS. Nguyễn Hồng Tiến chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các thành viên của Tổ

chuyên gia liên ngành gồm đại diện các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học công nghệ, Tài nguyên Môi trường, Hội Cấp thoát nước Việt Nam và đại diện các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Báo cáo về kết quả công tác năm 2014 của Chương trình, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến cho biết, với sự nỗ lực của các thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ chuyên gia liên ngành, sự vào cuộc của các địa phương và doanh nghiệp, Chương



Toàn cảnh Hội nghị

trình đã triển khai nhiều hoạt động có hiệu quả về nâng cao nhận thức về chống thất thoát, thất thu nước sạch, cấp nước an toàn; rà soát các quy phạm pháp luật có liên quan, hướng dẫn các địa phương triển khai Chương trình; tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực; tổ chức các hội thảo học tập, chia sẻ kinh nghiệm giữa các đơn vị cấp nước, các doanh nghiệp sản xuất thiết bị, vật tư ngành nước; tăng cường hợp tác quốc tế...

Điểm lại quá trình triển khai thực hiện Chương trình, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến cho biết, Chương trình quốc gia về chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từ cuối năm 2010, nhưng trên thực tế, Chương trình được triển khai từ giữa năm 2011. Quá trình thực hiện Chương trình trong hơn 3 năm qua cho thấy, Chương trình đã được sự vào cuộc của các Bộ, ngành, sự hưởng ứng và đồng hành của các doanh nghiệp cấp nước, các địa phương trong việc tăng cường đầu tư, nâng cấp, cải tạo, phát triển mới mạng lưới cấp nước, giúp cho tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch giảm theo từng năm. Sản lượng cấp nước đã tăng từ 6,2 triệu (2011) lên 7 triệu m³/ng/đ (2014), tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch giảm từ 30% (2011) xuống 25,5% (năm 2014), diện bao phủ cấp nước và tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch cũng tăng lên đáng kể.

Nếu như trong các năm đầu thực hiện, các hoạt động của Chương trình tập trung vào việc

phổ biến Chương trình, hướng dẫn các địa phương, các doanh nghiệp cấp nước xây dựng các kế hoạch chống thất thoát, thất thu nước sạch, tổ chức các hội thảo ở cả 3 miền để tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chống thất thoát, thất thu nước sạch..., thì năm 2014, Chương trình đã đi sâu vào công tác kiểm tra thực hiện Chương trình, tuyên truyền về cấp nước an toàn, tổ chức các hội thảo giới thiệu, phổ biến các vật tư, thiết bị ngành nước đảm bảo chất lượng - yếu tố quan trọng góp phần giảm thiểu thất thoát nước sạch để các doanh nghiệp cấp nước có cơ sở để lựa chọn, áp dụng.

Về việc hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao năng lực quản lý, bước đầu đã tổng hợp, đánh giá thực hiện Thông tư số 08/2012/TT-BXD tại các đô thị: Hiện nay cả nước đã có 26/63 tỉnh, thành thành lập Ban chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh, 20/63 tỉnh, thành đã xây dựng Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo cấp nước an toàn cấp tỉnh, đã giúp cho việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đi vào nề nếp hơn, có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý tài nguyên nước, cảnh sát môi trường và cơ quan quản lý cấp nước trên địa bàn. Bên cạnh đó, Chương trình đã bước đầu thực hiện tổng hợp, đánh giá về giá nước tại các địa phương.

Phát biểu thảo luận về Báo cáo tổng kết công tác năm 2014, và phương hướng hoạt động năm 2015 của Chương trình, các thành viên của Tổ chuyên gia liên ngành về cơ bản nhất trí với báo cáo của Cục Hạ tầng kỹ thuật, đánh giá cao những kết quả tích cực đã đạt được của Chương trình thông qua các hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng; đào tạo tăng cường năng lực cho các cán bộ quản lý và các doanh nghiệp ngành nước; các hội thảo khoa học và chia sẻ kinh nghiệm về cấp nước an toàn, chống thất thu, thất thoát nước sạch; thu hút sự vào cuộc và đồng hành của các địa phương, các doanh nghiệp... đã giảm được tỷ lệ thất thoát, thất thu

nước sạch bình quân mỗi năm trên 1% trong giai đoạn 2011 - 2014, mang lại những hiệu quả thiết thực về kinh tế, xã hội và môi trường.

Đại diện các Bộ, ngành tại Hội nghị cũng đã đóng góp thêm nhiều ý kiến về phương hướng hoạt động năm 2015 của Chương trình, trong đó nhấn mạnh đến việc hỗ trợ các địa phương, các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn đầu tư phát triển; tổ chức hội nghị sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình và các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm của các địa phương thực hiện tốt việc chống thất thoát, thất thu nước sạch và cấp nước an toàn; rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực cấp nước...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Cục trưởng

Nguyễn Hồng Tiến ghi nhận và tiếp thu các ý kiến đóng góp của các thành viên Tổ chuyên gia liên ngành để bổ sung và hoàn thiện Báo cáo tổng kết của Chương trình.

Nhân dịp chuẩn bị đón Xuân mới Ất Mùi 2015, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng và Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, Cục trưởng Nguyễn Hồng Tiến gửi lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công đến toàn thể các thành viên của Tổ chuyên gia liên ngành, đồng thời mong muốn tiếp tục nhận được sự phối hợp tích cực và hợp tác hiệu quả của các thành viên để Chương trình có thể hoàn thành tất cả các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra cho năm 2015.

Minh Tuấn

Kinh nghiệm của Thụy Sĩ về phát triển nhà ở

Thụy Sĩ là một quốc gia nhỏ, diện tích lãnh thổ 41,3 nghìn km², dân số 7,5 triệu người (20% là người ngoại quốc), nhưng là nước có trình độ phát triển cao ở châu Âu. Thị trường bất động sản của Thụy Sĩ có một số đặc điểm nổi bật sau: tỷ lệ nhà ở cho thuê cao hơn tỷ lệ nhà ở tự có; tỷ lệ nhà ở bỏ trống thấp; giá nhà luôn duy trì trạng thái ổn định. Chính phủ Thụy Sĩ đã lựa chọn biện pháp “song hành” (một mặt thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển lành mạnh, mặt khác tăng cường xây dựng nhà ở xã hội và thúc đẩy sự phân phối công bằng) nhằm thực hiện mục tiêu toàn dân đều có nhà ở.

I. Biện pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh

1. Sử dụng công cụ pháp luật và hệ thống thuế để thúc đẩy thị trường cho thuê nhà ở phát triển có trật tự

“Luật Nhà ở” Thụy Sĩ quy định, chủ sở hữu nhà không được tự ý nâng cao giá cho thuê nhà, nếu giá cho thuê nhà tăng và vượt quá tỷ lệ trượt giá thì người thuê nhà có quyền từ chối thanh toán. Một số bang của Thụy Sĩ còn quy định, trong quá trình giao dịch bất động sản,

cần ưu tiên xem xét lợi ích của người đi thuê, chủ cho thuê nhà phải đưa ra thông báo về tài sản cho thuê đồng thời phải có được sự đồng ý của người thuê, nếu không thì giao dịch đó sẽ vi phạm pháp luật. Chính quyền các bang tại Thụy Sĩ còn chú trọng thông qua việc phát huy tác dụng đòn bẩy của lãi suất ngân hàng, thuế bất động sản... để nâng cao giá thành nhà ở hiện có và giá mua nhà nhằm hướng người dân lựa chọn việc thuê nhà để ở.

2. Khuyến khích mua “căn nhà đầu tiên”, hạn chế việc sở hữu “hai căn nhà”

Chính phủ Thụy Sĩ khuyến khích “mỗi gia đình chỉ mua một căn nhà”. Người mua “căn nhà đầu tiên” tại Thụy Sĩ có thể được hưởng các chính sách ưu đãi như lãi suất thấp, được sử dụng trước tiên dưỡng lão... Tại các bang như Geneva, Zurich còn thiết lập chế độ “Quý tiết kiệm nhà ở”, các cá nhân hoặc gia đình mua “căn nhà đầu tiên” có thể mở tài khoản tại ngân hàng mà chính quyền bang chỉ định, tỷ lệ lãi suất tiền gửi tăng gấp đôi so với thị trường, và có hiệu lực trong 10 năm. Người được cho vay để mua “căn nhà đầu tiên” cũng có thể được

hưởng các ưu đãi về thuế. Ngoài ra, đứng từ góc độ bảo vệ môi trường sinh thái và tài nguyên đất, Thụy Sĩ đã thông qua những kiến nghị của người dân về “hạn chế sở hữu căn nhà thứ 2”, đồng thời tiến hành xây dựng các điều khoản pháp luật đối với việc hạn chế “căn nhà thứ 2”.

3. *Nghiêm khắc chống lại các hành vi đầu cơ nhà ở, bảo vệ sự phát triển lành mạnh của thị trường bất động sản*

Các bang của Thụy Sĩ đều căn cứ vào tình hình thời hạn và lợi nhuận của “nhà ở tái tiêu thụ” để đưa ra các chính sách nghiêm ngặt về thuế. Ví dụ, bang Zurich quy định: Cá nhân tiêu thụ nhà ở có lợi nhuận trên 100 nghìn Franc Thụy Sĩ thì tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 44% nếu giao dịch trong vòng 6 tháng sau khi mua, còn nếu vượt trên 5 năm mới tiêu thụ thì tiền thuế sẽ là 14,7%. Tại bang Geneva, cho dù lợi nhuận là bao nhiêu, việc mua bán nhà ở trong vòng 2 năm đều phải trung thu 50% thuế giá trị gia tăng, nếu sau 25 năm mới tiêu thụ thì có thể được hưởng đãi ngộ miễn thuế. Những chính sách về mức thuế khác nhau đã làm hạn chế không gian lợi nhuận trong việc mua bán nhà ở, ngăn chặn hiệu quả các hành vi đầu cơ nhà ở.

II. Các biện pháp đáp ứng nhu cầu nhà ở cơ bản đối với những người có hoàn cảnh khó khăn

1. *Chính quyền liên bang và chính quyền địa phương phân công hợp tác, thúc đẩy xây dựng nhà ở xã hội*

Trách nhiệm về nhà ở xã hội tại Thụy Sĩ chủ yếu do chính quyền liên bang đảm nhiệm, chính quyền bang và chính quyền địa phương các thành phố và thị trấn cũng có thể căn cứ vào tình hình tài chính để đưa ra các biện pháp liên quan. Chế độ nhà ở xã hội của Thụy Sĩ đã trải qua quá trình phát triển năng động. Trước năm 1970, Chính phủ trực tiếp đầu tư xây dựng nhà ở giá rẻ để cung cấp cho các gia đình thu nhập thấp. Chính quyền liên bang phụ trách thành lập các cơ cấu liên quan gián tiếp hỗ trợ các doanh nghiệp bằng phương thức cho vay

lãi suất thấp để xây dựng nhà ở xã hội cho các hộ gia đình thu nhập thấp thuê. Chính quyền địa phương các thành phố và thị trấn cũng hỗ trợ tiền thuê nhà cho các gia đình thu nhập thấp. Những năm 70 - 80 của thế kỷ XX, chính quyền liên bang Thụy Sĩ trực tiếp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội với các loại hình đa dạng tại các bang như nhà cho thuê giá rẻ, nhà ở cho thuê với mức giá trung bình... Năm 2003, Thụy Sĩ ban hành “Luật Nhà ở”, làm rõ chức năng của chính quyền liên bang và chính quyền bang trong phương diện nhà ở, tránh được sự trùng lặp trong chức năng và sự lơ là trong quản lý: Chính quyền liên bang xác lập những nguyên tắc mang tính chỉ đạo trong phát triển thị trường bất động sản, đồng thời sử dụng công cụ lãi suất để điều tiết vĩ mô, thông qua chuyển đổi chi trả để hỗ trợ việc xây dựng nhà ở xã hội tại các bang; chính quyền bang đề ra các quy định cụ thể về thị trường bất động sản, điều tiết kiểm soát tại địa phương, toàn quyền phụ trách việc phê duyệt, quy hoạch, xây dựng, phân phối cho thuê và quản lý đối với các hạng mục nhà ở xã hội.

2. *Huy động nguồn vốn xã hội, tích cực hỗ trợ phát triển “hợp tác xã xây dựng nhà ở”, đa dạng phương thức đầu tư tài chính*

Chế độ hợp tác xã mang tính phi lợi nhuận là một nét đặc sắc lớn trong nền kinh tế Thụy Sĩ. “Hợp tác xã xây dựng nhà ở” tại Thụy Sĩ đã có lịch sử trên 100 năm. Để thỏa mãn nhu cầu nhà ở của bản thân, người dân có thể tiến hành “huy động vốn, hợp tác xây dựng nhà ở” dưới sự chỉ đạo của Chính phủ và các hiệp hội xây dựng chuyên ngành. Do không lấy kinh doanh và lợi nhuận làm mục đích nên “hợp tác xã xây dựng nhà ở” nhận được sự hỗ trợ và quan tâm mạnh mẽ của Chính phủ, trong các phương diện như phê duyệt, ưu đãi cho vay... đều được hưởng đãi ngộ. Quyền sở hữu tài sản nhà ở hợp tác xã thuộc sở hữu tập thể, sau khi xây dựng xong đa phần sẽ cho các thành viên hợp tác xã thuê, cũng có thể cho thuê ngoài. Tiền thuê nhà chỉ tính theo chi phí xây nhà thực tế, thấp hơn

khoảng 20% so với tiền thuê trên thị trường, do đó nhà ở hợp tác xã được đông đảo giai cấp trung lưu ưa chuộng. Thêm vào đó, nhà ở được hợp tác xã xây dựng còn là đầu mối làm gia tăng nguồn nhà ở xã hội cho chính quyền địa phương. Một khi nhà ở xã hội mà chính quyền bang xuất hiện tình trạng cung không đủ cầu, cơ quan quản lý nhà ở sẽ ưu tiên xem xét tới việc thuê nhà ở hợp tác xã, sau đó lại tiếp tục phân phối cho những nhóm người có thu nhập thấp có nhu cầu. Ngoài ra, một số bang, thành phố và thị trấn có nguồn tài chính tốt cũng có thể hỗ trợ việc xây dựng nhà ở xã hội. Ví dụ, chính quyền thành phố Lausanne thông qua cung cấp quyền sử dụng đất đai 90 năm, mỗi năm căn cứ theo giá trị đất đai thu 1 - 3% tiền thuê đất và khoản cho vay lãi suất thấp, tổng cộng hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng được 7.700 căn nhà ở xã hội, chiếm 11% trong tổng lượng nhà ở của thành phố.

3. Hoàn thiện chế độ cho thuê nhà ở xã hội, đảm bảo cho người có thu nhập thấp có nhà để ở

Các cơ cấu tại Thụy Sĩ như chính quyền liên bang, chính quyền các bang, quỹ bảo đảm nhà ở, hợp tác xã... tổng cộng có khoảng 300 nghìn căn nhà ở xã hội thuộc diện “chỉ cho thuê, không bán”, nhà ở xã hội chiếm khoảng 8% thị phần trong thị trường cho thuê nhà ở. Những nhà thu nhập thấp này thường có tiền thuê thấp hơn khoảng 30% so với giá thuê thị trường. Nếu như cá nhân và gia đình có mức thu nhập thấp hơn mức “tiêu chuẩn thu nhập thấp nhất” của các bang thì đều có thể xin cơ quan quản lý nhà ở sở tại cho thuê nhà ở xã hội. Lấy ví dụ là thành phố Lausanne, các cá nhân có mức thu nhập tháng thấp hơn 3.000 Franc Thụy Sĩ (thu nhập bình quân tháng của người Thụy Sĩ là khoảng 6.000 Franc Thụy Sĩ) và hộ gia đình có mức thu nhập tháng thấp hơn 4.500 Franc Thụy Sĩ có thể xin thuê nhà ở xã hội. Nhà ở xã hội thông thường có diện tích khoảng 100 m², tiền thuê thấp hơn giá thuê thị trường 20%, mỗi

tháng chính quyền thành phố còn cấp phát tiền hỗ trợ thuê nhà tương ứng cho những người thuê nhà. Ngoài ra, cơ quan quản lý nhà ở còn định kỳ tiến hành kiểm tra xác xuất về tình hình thu nhập của những người thuê nhà, mục đích là để tìm hiểu mức tiền thuê nhà đã hợp lý hay chưa, gia đình người dân liệu có phù hợp với điều kiện được đảm bảo. Nếu như cơ quan quản lý nhà ở phát hiện người thuê nhà có mức thu nhập cao hơn so với tiêu chuẩn thu nhập thấp nhất, họ sẽ lập tức thông báo người thuê nhà chuyển đi, đồng thời hủy các ưu đãi thuê nhà và hỗ trợ thuê nhà. Nếu trong thời gian quy định mà người thuê nhà không chuyển đi, cơ quan có liên quan sẽ có các biện pháp trừng phạt thích hợp. Thêm vào đó, để tăng cường quản lý nhà ở xã hội, cơ quan nhà ở các thành phố, thị trấn còn thành lập hệ thống thông tin nhà ở xã hội, hệ thống này đã vận hành được 20 năm và đã phát huy tác dụng quan trọng trong việc tăng cường quản lý nhà ở cho các gia đình có thu nhập thấp.

4. Thúc đẩy cư trú hỗn hợp giữa các tầng lớp thu nhập cao, trung bình và thấp, thúc đẩy sự dung hòa và ổn định xã hội

Khi tiến hành quy hoạch xây dựng và phân phối nhà ở, các cơ quan quản lý nhà ở cấp bang của Thụy Sĩ nhấn mạnh đưa nhà ở xã hội và những người có thu nhập thấp phân tán trong các khu vực cư trú khác nhau tại đô thị, thúc đẩy sự sinh sống, cư trú đan xen của các tầng lớp người có thu nhập khác nhau, tránh để các đối tượng nhà ở xã hội tập trung tại một khu vực nào đó. Ngoài ra, các cơ quan quản lý nhà ở cũng tiến hành quy hoạch các hạng mục nhà ở mới, còn các nhà khai thác phải giữ một số lượng nhất định nhà ở tại các tầng khác nhau để sử dụng làm các căn nhà ở xã hội.

Phùng Tân Cương

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 7/2013*

ND: Kim Nhật

VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA KỶ NIỆM 35 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2015



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tặng Bằng chứng nhận “Đơn vị tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của CNVC ngành Xây dựng năm 2014” cho Viện Kiến trúc Quốc gia